

**BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI  
CỤC NGƯỜI CÓ CÔNG**

-----

**BÁO CÁO TÓM TẮT**

**QUY HOẠCH**  
**HỆ THỐNG CƠ SỞ NUÔI DƯỠNG, ĐIỀU DƯỠNG NGƯỜI**  
**CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG THỜI KỲ 2021 – 2030,**  
**TẦM NHÌN ĐẾN 2050**

**Hà Nội, tháng 8 năm 2021**

## MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT .....	6
MỞ ĐẦU .....	7
PHẦN I CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ YÊU CẦU ĐỐI VỚI QUY HOẠCH .....	9
I. CƠ SỞ PHÁP LÝ .....	9
1. Văn kiện, Nghị quyết của Đảng .....	9
2. Các văn bản quy phạm pháp luật .....	9
II. YÊU CẦU ĐỐI VỚI QUY HOẠCH .....	10
1. Tên quy hoạch, phạm vi, thời kỳ lập quy hoạch .....	10
2. Các nguyên tắc lập quy hoạch .....	10
3. Dự báo nhu cầu phát triển trong thời kỳ quy hoạch .....	11
PHẦN II CÁC YẾU TỐ, ĐIỀU KIỆN VÀ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG CƠ SỞ NUÔI DƯỠNG, ĐIỀU DƯỠNG NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG .....	12
I. CÁC YẾU TỐ, ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG CƠ SỞ NUÔI DƯỠNG, ĐIỀU DƯỠNG NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG .....	12
1. Điều kiện tự nhiên .....	12
2. Điều kiện về chính sách .....	12
2.1. Lịch sử chính sách ưu đãi người có công với cách mạng .....	12
2.2. Quan điểm, đường lối của Đảng về người có công .....	13
3. Điều kiện kinh tế xã hội .....	14
3.1. Nguồn lực tài chính .....	14
3.2. Nguồn nhân lực .....	15
4. Điều kiện cơ sở hạ tầng .....	16
4.1. Mạng lưới giao thông quốc gia .....	16
4.2. Cơ sở hạ tầng ngành điện .....	16
4.3. Cơ sở hạ tầng ngành viễn thông .....	16
II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG CƠ SỞ NUÔI DƯỠNG, ĐIỀU DƯỠNG NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG .....	17
1. Thực trạng đối tượng hưởng chế độ nuôi dưỡng, điều dưỡng .....	17
1.1. Thực trạng đối tượng hưởng chế độ điều dưỡng .....	17
1.2. Thực trạng đối tượng hưởng chế độ nuôi dưỡng .....	18
2. Thực trạng người làm việc tại các Trung tâm nuôi dưỡng, điều dưỡng thương binh và người có công .....	18
3. Thực trạng hệ thống cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng .....	19
3.1. Thực trạng các cơ sở thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng người có công .....	20
3.2. Thực trạng các cơ sở thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng người có công .....	20

4. Đánh giá chung về hệ thống cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng.....	21
5. Đánh giá chung về môi trường hệ thống cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng.....	22
5.1. Hiện trạng môi trường .....	22
5.2. Thực trạng thu gom xử lý rác thải .....	23
5.2.1. Rác thải sinh hoạt .....	23
5.3. Môi trường nước thải .....	24
5.3.1. Nước thải sinh hoạt .....	24
5.3.2. Nước thải y tế .....	24
<b>PHẦN III ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUY HOẠCH HỆ THỐNG CƠ SỞ NUÔI DƯỠNG, ĐIỀU DƯỠNG NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG THỜI KỲ TRƯỚC .....</b>	<b>26</b>
1. Quy mô đầu tư cho các Trung tâm điều dưỡng người có công theo Quy hoạch các Trung tâm điều dưỡng người có công giai đoạn 2011-2015.....	26
2. Quy mô đầu tư cho phát triển các Trung tâm nuôi dưỡng, điều dưỡng thương binh và người có công trên cả nước giai đoạn 2011-2015 .....	26
3. Đánh giá tình hình đầu tư phát triển hệ thống cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng trên cả nước giai đoạn 2016-2020 .....	27
3.1. Quy mô đầu tư cho các Trung tâm điều dưỡng người có công chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020 .....	27
3.2. Quy mô đầu tư cho các Trung tâm điều dưỡng người có công phát triển mới giai đoạn 2016-2020.....	27
3.3. Quy mô đầu tư cho các Trung tâm nuôi dưỡng, điều dưỡng thương binh giai đoạn 2016-2020 .....	27
4. Đánh giá những thuận lợi, khó khăn trong công tác nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng .....	27
<b>PHẦN IV CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CÔNG TÁC CHĂM SÓC NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG VÀ DỰ BÁO XU THẾ PHƯƠNG ÁN</b>	<b>30</b>
<b>PHÁT TRIỂN.....</b>	<b>30</b>
<b>I. BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG CƠ SỞ NUÔI DƯỠNG, ĐIỀU DƯỠNG NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG .....</b>	<b>30</b>
1. Bối cảnh kinh tế - xã hội trong nước .....	30
2. Bối cảnh kinh tế - xã hội quốc tế.....	31
3. Tác động từ đại dịch Covid-19.....	31
4. Cơ hội, thách thức, điểm mạnh, điểm yếu của hệ thống cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng hiện nay .....	32
<b>II. XU THẾ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU, THIÊN TAI ẢNH HƯỞNG ĐẾN HỆ THỐNG CƠ SỞ NUÔI DƯỠNG, ĐIỀU DƯỠNG NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG .....</b>	<b>35</b>
1. Phân tích xu thế và kịch bản BĐKH ở Việt Nam .....	35

1.1. Đặc điểm khí hậu và thiên tai ở các vùng của Việt Nam .....	35
1.2. Xu thế biến đổi khí hậu và thiên tai ở các vùng của Việt nam.....	35
2. Tác động của BĐKH đến hệ thống cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng .....	36
2.1. Tác động của BĐKH đến sức khỏe con người.....	36
2.2. Tác động của thiên tai, BĐKH đến hệ thống cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng .....	37
II. DỰ BÁO XU THẾ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TÁC NUÔI DƯỠNG, ĐIỀU DƯỠNG NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG .....	39
1. Sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam trong thời gian tới.....	39
2. Dự báo phát triển công tác nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng.....	39
III. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CÔNG TÁC CHĂM SÓC NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG GIAI ĐOẠN TỚI.....	42
PHẦN V PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG CƠ SỞ NUÔI DƯỠNG NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG TRONG THỜI KỲ 2021-2030 VÀ 2031-2050 .....	43
I. QUAN ĐIỂM.....	43
II. MỤC TIÊU .....	44
1. Mục tiêu chung.....	44
2. Mục tiêu cụ thể.....	44
III. NGUYÊN TẮC LẬP QUY HOẠCH.....	44
IV. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN.....	45
1. Phương án 1.....	45
1.1. Mục tiêu cụ thể.....	45
1.2. Định hướng quy hoạch hệ thống cơ sở nuôi dưỡng điều dưỡng người có công với cách mạng.....	46
2. Phương án 2.....	48
2.1. Mục tiêu cụ thể.....	48
2.2. Định hướng quy hoạch hệ thống cơ sở nuôi dưỡng điều dưỡng người có công với cách mạng.....	49
3. Lựa chọn phương án phát triển .....	49
V. NỘI DUNG QUY HOẠCH .....	50
V.1. Một số căn cứ .....	50
V.2. Nội dung cụ thể.....	51
V.3. NỘI DUNG QUY HOẠCH THEO VÙNG, MIỀN .....	54
V.4. QUY HOẠCH ĐỘI NGŨ CÁN BỘ .....	60
V.5. Vốn đầu tư .....	61
V.6. Nhiệm vụ của các cơ quan trong Bộ Lao Động - Thương binh và Xã hội.....	61
PHẦN VI GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH .....	63
1. Giải pháp về cơ chế, chính sách .....	63
2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực .....	63

3. Giải pháp về môi trường, khoa học và công nghệ.....	63
4. Giải pháp về liên kết, hợp tác phát triển.....	64
5. Giải pháp về giáo dục, tuyên truyền.....	64
6. Giải pháp về hợp tác quốc tế.....	64
7. Giải pháp về huy động và phân bổ vốn đầu tư.....	65
8. Giải pháp về mô hình quản lý, phương thức hoạt động.....	66
9. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch.....	66
PHẦN VII ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ.....	67
I. KẾT LUẬN.....	67
II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ.....	68
1. Phân công trách nhiệm.....	68
2. Đề xuất.....	68
3. Kiến nghị.....	69
3.1. Kiến nghị đối với Trung ương.....	69
3.2. Kiến nghị đối với Bộ Lao động – Thương binh & Xã hội.....	70

## **DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT**

ASXH:	An sinh xã hội
BĐKH:	Biến đổi khí hậu
BTXH:	Bảo trợ xã hội
DN:	Doanh nghiệp
DNNN:	Doanh nghiệp nhà nước
KT-XH:	Kinh tế - xã hội
NCC:	Người có công
TT:	Trung tâm
UBND:	Ủy ban nhân dân
VNAH:	Việt Nam anh hùng

## MỞ ĐẦU

Ưu đãi người có công với cách mạng là một chính sách lớn của Đảng và Nhà nước ta, là sự ghi nhận, tôn vinh những cống hiến to lớn của họ đối với đất nước. Đến nay, cả nước có hơn 9,2 triệu người có công, trong đó gần 1,4 triệu người có công được hưởng chế độ ưu đãi hằng tháng. Các chế độ ưu đãi đối với từng diện đối tượng người có công với cách mạng được quy định đầy đủ, bao phủ hầu hết các mặt trong đời sống xã hội. Hằng năm, ngân sách nhà nước dành hàng chục nghìn tỷ đồng trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng.

Hệ thống các Trung tâm nuôi dưỡng, điều dưỡng luân phiên người có công đã được hình thành trên cả nước, nhưng nhìn chung đang thiếu về số lượng và chất lượng. Trên cả nước hiện đang có tổng số 66 Trung tâm điều dưỡng, nuôi dưỡng người có công. Các trung tâm này được đầu tư từ hai nguồn. Các trung tâm hình thành từ nguồn vốn đầu tư của Bộ có cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu điều dưỡng người có công, tuy nhiên một vài công trình đã xuống cấp. Nhóm các trung tâm điều dưỡng, nuôi dưỡng người có công được hình thành do nhu cầu cấp thiết của các địa phương, tuy nhiên do thiếu vốn đầu tư nên trang thiết bị cần thiết để phục vụ công tác điều dưỡng còn thiếu, cần được đầu tư nâng cấp cho phù hợp (bao gồm cả mở rộng quy mô nếu cần thiết). Thực tế hệ thống các Trung tâm nêu trên chưa đáp ứng được nhu cầu điều dưỡng tập trung cho người có công ở các địa phương, trong khi đa phần người có công tuổi đã cao, sức khỏe giảm sút, rất cần thiết được hưởng chế độ điều dưỡng tập trung.

Đối với các trung tâm nuôi dưỡng thương binh, bệnh binh nặng thì hệ thống các cơ sở hiện có trên cả nước có khoảng 31 cơ sở nuôi dưỡng 1.322 người có công và thân nhân, đa phần các cơ sở này đã được xây dựng từ khoảng 10-15 năm trước, cơ sở vật chất đã bị xuống cấp, chưa đáp ứng được yêu cầu chăm sóc, nuôi dưỡng cho thương bệnh binh.

Thực hiện Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14, việc phát triển hệ thống các trung tâm điều dưỡng người có công để thực hiện tốt việc chăm sóc sức khỏe cho người có công là hết sức cần thiết.

Thực hiện Luật Quy hoạch, Quyết định số 995/QĐ-TTg ngày 09/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao nhiệm vụ cho các Bộ tổ chức lập quy hoạch ngành quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 525/QĐ-TTg ngày 16/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ

lập quy hoạch hệ thống cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với Cách mạng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, việc lập quy hoạch hệ thống cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với Cách mạng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được tổ chức thực hiện.

# **PHẦN I**

## **CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ YÊU CẦU ĐỐI VỚI QUY HOẠCH**

### **I. CƠ SỞ PHÁP LÝ**

#### **1. Văn kiện, Nghị quyết của Đảng**

- Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ XIII, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021-2025;
- Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ XI, XII, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020;
- Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 01/6/2012 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020;
- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;
- Định hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 – 2030; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 – 2025;
- Định hướng phát triển lĩnh vực lao động – người có công và xã hội giai đoạn 2021 – 2030;
- Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

#### **2. Các văn bản quy phạm pháp luật**

- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14;
- Luật số 28/2018/QH14 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch;
- Luật số 35/2018/QH14 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;
- Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 về ưu đãi người có công với cách mạng;
- Pháp lệnh quy định danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” ngày 29/8/1994;
- Pháp lệnh số 05/2012/UBTVQH13 ngày 20 tháng 10 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh quy định danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”;

- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

- Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

- Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày ngày 05/02/2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch;

- Quyết định số 995/QĐ-TTg ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ cho các Bộ tổ chức lập Quy hoạch ngành quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 525/QĐ-TTg ngày 16/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch hệ thống cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với Cách mạng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 1150/QĐ-LĐTBXH ngày 05 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc giao nhiệm vụ lập quy hoạch ngành quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Thông tư số 08/2019/TT-BKH ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về định mức cho hoạt động quy hoạch;

- Thông tư số 113/2018/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định về giá trong hoạt động quy hoạch.

## **II. YÊU CẦU ĐỐI VỚI QUY HOẠCH**

### **1. Tên quy hoạch, phạm vi, thời kỳ lập quy hoạch**

Tên Quy hoạch: Quy hoạch hệ thống cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Phạm vi lập Quy hoạch: Quy hoạch hệ thống cơ sở công lập nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng do nhà nước đầu tư và quản lý trên phạm vi cả nước.

Thời kỳ lập Quy hoạch: thời kỳ 10 năm 2021 - 2030 (có phân kỳ theo hai giai đoạn 2021 - 2025 và 2026 - 2030), tầm nhìn 20 năm (đến năm 2050).

### **2. Các nguyên tắc lập quy hoạch**

- Tuân thủ Luật Quy hoạch, các quy định của pháp luật có liên quan bảo đảm tính liên tục, kế thừa, ổn định, thứ bậc trong hệ thống quy hoạch quốc gia.

- Bảo đảm thống nhất, đồng bộ giữa quy hoạch hệ thống cơ sở nuôi

dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với các quy hoạch kết cấu hạ tầng xã hội khác có liên quan; giữa quy hoạch ngành với quy hoạch địa phương.

- Bảo đảm tính kế thừa, phát triển các quy hoạch trước đây và các chương trình, đề án phát triển ngành, lĩnh vực.

- Bảo đảm tính khả thi, phù hợp nguồn lực để triển khai thực hiện quy hoạch sau này.

- Bảo đảm công khai, minh bạch và có sự giám sát của người dân, cộng đồng trong quá trình xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch sau khi được phê duyệt.

### **3. Dự báo nhu cầu phát triển trong thời kỳ quy hoạch**

Dự báo nhu cầu phát triển trong thời kỳ quy hoạch 2021-2030 của hệ thống cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng cần phải tuân thủ những quan điểm, định hướng của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021-2030; đặc biệt là quan điểm về ưu đãi người có công với cách mạng, thực hiện phát triển vì mọi người, bảo đảm công bằng xã hội, giảm nghèo bền vững, tạo cơ hội cho mọi người dân, nhất là nhóm yếu thế hoà nhập, tiếp cận các nguồn lực phát triển và phúc lợi xã hội.

## **PHẦN II**

### **CÁC YẾU TỐ, ĐIỀU KIỆN VÀ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG CƠ SỞ NUÔI DƯỠNG, ĐIỀU DƯỠNG NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG**

#### **I. CÁC YẾU TỐ, ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG CƠ SỞ NUÔI DƯỠNG, ĐIỀU DƯỠNG NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG**

##### **1. Điều kiện tự nhiên**

Việt Nam nằm ở đông nam lục địa châu Á, phía bắc giáp nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, phía tây giáp nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và vương quốc Campuchia, phía đông và phía nam giáp Biển Đông (Thái Bình Dương), có diện tích 329.600 km<sup>2</sup> đất liền, gần 700.000 km<sup>2</sup> thêm lục địa với nhiều đảo, quần đảo, bao gồm hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Là một quốc gia ven biển, Việt Nam có nhiều thuận lợi về địa hình, khí hậu, động thực vật, phát triển kinh tế biển nhưng cũng là quốc gia có nhiều thiên tai, đặc biệt là bão, áp thấp nhiệt đới và gió mùa đông bắc, gây không ít khó khăn cho sản xuất nông nghiệp, giao thông vận tải và đời sống con người.

##### **2. Điều kiện về chính sách**

###### ***2.1. Lịch sử chính sách ưu đãi người có công với cách mạng***

Văn bản pháp luật đầu tiên về ưu đãi người có công với cách mạng là Sắc lệnh số 20/SL do Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ký ngày 16-2-1947, sau đó được bổ sung bằng Sắc lệnh số 242/SL ngày 12-10-1948, quy định tiêu chuẩn xác nhận thương binh, truy tặng “tử sĩ”, thực hiện chế độ “lương hưu thương tật” đối với thương binh, chế độ “tiền tuất” đối với gia đình liệt sĩ. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lấy ngày 27-7 hàng năm là “Ngày thương binh toàn quốc” và kêu gọi các tầng lớp nhân dân phát huy tinh thần “Uống nước nhớ nguồn”, “Ăn quả nhớ người trồng cây”, hết lòng giúp đỡ thương binh, gia đình liệt sĩ về vật chất cũng như về tinh thần một cách rất chân thành và cảm động.

Ngay sau ngày miền Bắc được giải phóng (1954), Đảng, Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách, văn bản pháp luật quy định chế độ ưu đãi đối với thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ, với dân quân, du kích, thanh niên xung phong bị thương tật... với cán bộ tiền khởi nghĩa, Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động, người có công giúp đỡ cách mạng.

Năm 1975, khi đất nước đã hoàn toàn thống nhất, bước vào thời kỳ xây dựng

chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước, Đảng và Nhà nước ta tiếp tục xác định công tác thương binh, liệt sĩ là một trong những chính sách lớn của đất nước ta. Đảng, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản pháp luật ưu đãi người có công, bắt đầu từ Chỉ thị số 223/CT-TW ngày 8-7-1975 của Ban Bí thư Trung ương Đảng xác định yêu cầu nhiệm vụ của công tác thương binh, liệt sĩ sau chiến tranh. Sau đó Nhà nước ban hành nhiều Nghị định, Quyết định, Thông tư nhằm sửa đổi, bổ sung chế độ ưu đãi đối với người có công; xác nhận chính xác đối tượng người có công để họ được hưởng chế độ trợ cấp theo quy định của Nhà nước.

Cùng với sự đổi mới của đất nước khi thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá, công tác ưu đãi người có công với cách mạng được Đảng, Nhà nước ta đặc biệt quan tâm, xác định cụ thể trong Văn kiện các Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII. Vấn đề ưu đãi người và gia đình có công với cách mạng đã trở thành nguyên tắc Hiến định và được ghi nhận trang trọng ở Chương V, Điều 67 của Hiến pháp năm 1992, thể chế trong Pháp lệnh ưu đãi người hoạt động cách mạng, liệt sĩ và gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến, người có công giúp đỡ cách mạng (gọi tắt là Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng) do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 10-9-1994, và được quy định cụ thể tại Nghị định số 28/CP ngày 29-4-1995 của Chính phủ.

Trong những năm qua kể từ khi thực hiện Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng (số 04/2012/UBTVQH13), Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/04/2013 của Chính phủ, Thông tư liên tịch số 13/2014/TT-BLĐTBXH-BTC ngày 03/06/2014 của liên Bộ Lao động Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính, Sở Lao động -Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành đã tham mưu cho UBND các cấp thực hiện tốt công tác điều dưỡng đối với người có công.

Ngày 09/12/2020, Ủy ban Thường vụ Quốc hội tiếp tục ban hành Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng (số 02/2020/UBTVQH14), tiếp tục chăm lo đời sống cả về vật chất và tinh thần cho người có công với cách mạng.

## ***2.2. Quan điểm, đường lối của Đảng về người có công***

Chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng là một trong những chính sách đặc biệt của Đảng và Nhà nước ta nhằm đề tri ân, tôn vinh người có công với cách mạng, xuyên suốt quá trình cách mạng của Đảng và Nhà nước ta.

Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng đã nêu rõ một nguyên tắc chung là chế độ ưu đãi phù hợp với tình hình kinh tế-xã hội và được bảo đảm bằng ngân sách nhà nước. Các nội dung ưu đãi người có công với cách mạng được luật pháp hoá, trở thành một hệ thống chính sách bao gồm nhiều mặt của

đời sống (trợ cấp, phụ cấp, chăm sóc sức khỏe, cải thiện nhà ở, ưu đãi về giáo dục-đào tạo, về việc làm, ruộng đất, tín dụng, thuế...). Hàng loạt chính sách ưu đãi về kinh tế, xã hội được thực hiện, đã thiết thực hỗ trợ người có công với cách mạng ổn định đời sống, nỗ lực vươn lên trong cơ chế mới.

Tính đến năm 2020, cả nước xác nhận trên 9,2 triệu người có công. Số người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi thường xuyên (hàng tháng) là gần 1,4 triệu người. Có 250.000 con người có công đang theo học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Đa số gia đình người có công có mức sống trung bình so với người dân trên địa bàn (xã, phường nơi cư trú).

Công tác điều dưỡng phục hồi sức khỏe đối với người có công với cách mạng là một trong những chính sách lớn, thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà nước ta. Nghị quyết đại hội XII của Đảng đã xác định *“Thực hiện tốt chính sách chăm sóc người có công trên cơ sở huy động mọi nguồn lực xã hội kết hợp với nguồn lực của Nhà nước; bảo đảm người có công có mức sống trung bình trở lên”*. Qua điều dưỡng đã bù đắp được một phần nào những nỗi đau, mất mát do chiến tranh để lại sau hơn 40 năm thống nhất đất nước; đồng thời cũng là thông điệp cho họ biết Đảng và Nhà nước luôn chăm lo, quan tâm đối với những người có công với cách mạng.

### **3. Điều kiện kinh tế xã hội**

#### **3.1. Nguồn lực tài chính**

Trong giai đoạn 2016 - 2019, quy mô và cơ cấu thu NSNN có sự chuyển biến tích cực. Tỷ lệ huy động thu NSNN bình quân giai đoạn 2016 - 2019 đạt 24 - 25% GDP, cao hơn mức bình quân giai đoạn 2011 - 2015 là 23,4% GDP và cao hơn mục tiêu tại Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị (20 - 21% GDP) và Nghị quyết số 25/2016/QH14 của Quốc hội (23,5% GDP). Cơ cấu thu NSNN có một số chuyển biến tích cực như: Thu nội địa chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong tổng thu NSNN, bình quân giai đoạn 2016 - 2019 ước đạt 80% (giai đoạn 2006 - 2010 đạt 58%; giai đoạn 2011 - 2015 là 68%)...

Nguồn vốn vay đóng vai trò quan trọng, đảm bảo nguồn vốn cho nhu cầu cân đối NSNN và đầu tư cho các chương trình, dự án xây dựng cơ sở kết cấu hạ tầng, giao thông, y tế, giáo dục và các chương trình mục tiêu quan trọng của theo Nghị quyết của Quốc hội trong từng giai đoạn. Tổng số vốn vay của Chính phủ trong giai đoạn 2016 - 2018 đạt khoảng 1.086 nghìn tỷ đồng, trong đó vốn vay trong nước chiếm khoảng 78% và vay nước ngoài khoảng 22%.

Nguồn lực tài chính thông qua xã hội hóa các dịch vụ công đã phát huy

hiệu quả cao khi các chính sách khuyến khích xã hội hóa tập trung vào 7 lĩnh vực như: Giáo dục - đào tạo, dạy nghề; y tế; văn hóa; thể dục thể thao; môi trường; giám định tư pháp, trong đó xã hội hóa giáo dục - đào tạo và y tế diễn ra phổ biến trên phạm vi cả nước.

### **3.2. Nguồn nhân lực**

Thị trường lao động Việt Nam phục hồi nhanh chóng, nhiều lĩnh vực cho thấy tín hiệu tốt, các ngành nghề, lĩnh vực bị đứt chuỗi, bị ngừng việc đã trở lại thị trường. Thị trường lao động Việt Nam Quý IV năm 2020 đạt mức 55,14 triệu người. LLLĐ từ 15 tuổi trở lên tăng 564 nghìn người (1%) so với quý 3/2020, nhưng giảm 855,8 nghìn người (1,5%) so với quý 4/2019.

Thu nhập của lao động LCHL từ công việc chính đạt bình quân 6,79 triệu đồng/tháng, tăng 300 nghìn đồng (4,62%) so với quý 3/2020 và tăng 80 nghìn đồng (1,2%) so với cùng kỳ năm 2019. Tuy nhiên, tỷ lệ lao động có tiền lương thấp chiếm 17,73% tổng lao động LCHL, tăng 5,08% so quý 4 năm 2020 và 6,19% so cùng kỳ năm trước. Tổng thu nhập bình quân tháng từ tất cả các công việc của lao động LCHL đạt 6,85 triệu đồng, tăng 290 nghìn đồng so với quý 3/2020 (4,42%).

Tỷ lệ thất nghiệp cả nước là 2,37%, khu vực thành thị là 3,68%, thanh niên là 7,05% - tỷ lệ thất nghiệp chung và của các nhóm này đều có xu hướng thấp hơn quý trước nhưng cao hơn so với cùng kỳ năm trước.

Tỷ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi là 1,44%; tỷ lệ thiếu việc làm khu vực nông thôn là 1,75%, khu vực thành thị là 0,84%. Trong tổng số người thiếu việc làm, có 81,2% lao động nông thôn; 59,73% làm việc trong ngành NLTS. Số giờ làm việc bình quân của lao động thiếu việc làm là 28,15 giờ/tuần, bằng 61,68% tổng số giờ làm việc bình quân của lao động cả nước (46,39 giờ/tuần).

Các địa phương rà soát, nắm chắc tình hình lao động, việc làm của các doanh nghiệp, hợp tác xã, tập đoàn trong nước cũng như các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài để có giải pháp hỗ trợ, cung ứng lao động, góp phần ổn định sản xuất, kinh doanh; hướng dẫn các doanh nghiệp phương án hỗ trợ, thực hiện các chính sách đối với người lao động bị ảnh hưởng khi doanh nghiệp bị đình trệ sản xuất, kinh doanh. Các hoạt động giới thiệu việc làm, tổ chức sàn giao dịch việc làm được duy trì dưới hình thức trực tuyến.

## **4. Điều kiện cơ sở hạ tầng**

### **4.1. Mạng lưới giao thông quốc gia**

Cơ cấu không gian lãnh thổ Việt Nam được phân thành ba vùng KTTĐ chính ở hai đầu và giữa đất nước. Ở phía bắc, chức năng kinh tế được phân chia giữa các thành phố cảng Hải Phòng, Quảng Ninh và thủ đô Hà Nội, nằm ở trung tâm Vùng KTTĐPB. Hà Nội là đầu mối của mạng lưới giao thông bao gồm đường bộ, đường thủy nội địa, đường sắt và hàng không ở phía bắc. Ở phía nam, Tp.HCM nằm ở trung tâm Vùng KTTĐPN và giữa đồng bằng phía đông và ĐBSCL. Ở miền Trung là Tp. Đà Nẵng với vai trò động lực phát triển kinh tế của Vùng KTTĐMT. Đây là các trung tâm kinh tế và thành phố cảng chính. Liên kết ba vùng KTTĐ này bằng đường bộ, đường sắt, đường biển, đường hàng không tạo thành hành lang giao thông chính của cả nước, trong đó có QL1 kéo dài từ biên giới Trung Quốc đến Cà Mau và trục đường sắt Bắc-Nam chạy qua miền Trung dọc theo bờ biển. QL1 và trục đường sắt đóng vai trò quan trọng trong việc phân cực tăng trưởng dân số ở các đô thị lớn ở miền Trung.

### **4.2. Cơ sở hạ tầng ngành điện**

Giai đoạn 2011-2015, ngành điện đã đưa vào vận hành khoảng 17 GW nguồn điện (bao gồm cả nguồn thủy điện nhỏ và năng lượng tái tạo), đạt hơn 81% khối lượng được giao theo QHĐ VII, trong đó cao nhất là miền Trung đạt 95,9%, miền Nam đạt thấp nhất với 62,7%. Trong giai đoạn 2016-2020, khối lượng thực hiện đầu tư xây dựng các công trình lưới điện 500 – 220 KV so với phê duyệt Quy hoạch điện VII điều chỉnh khá cao, đạt khoảng 70-90% so với yêu cầu quy hoạch. Có thể khẳng định, hạ tầng hệ thống điện có vai trò rất quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, trong đó có sự phục vụ đặc lực trong công tác nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng từ trước đến nay.

### **4.3. Cơ sở hạ tầng ngành viễn thông**

Ngành viễn thông Việt Nam những năm qua đã đạt được nhiều thành quả tích cực, phục vụ đặc lực và có hiệu quả trong phát triển kinh tế - xã hội nói chung và ngành Lao động – Thương binh và Xã hội cũng như công tác nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng nói riêng. Nước ta trở thành một trong những quốc gia đầu tiên thử nghiệm thành công mạng 5G.

Điều này sẽ giúp ngành Lao động – Thương binh và Xã hội cũng như các Trung tâm nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng có thể dễ dàng áp dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, chăm sóc người có công.

## **II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG CƠ SỞ NUÔI DƯỠNG, ĐIỀU DƯỠNG NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG**

### **1. Thực trạng đối tượng hưởng chế độ nuôi dưỡng, điều dưỡng**

#### ***1.1. Thực trạng đối tượng hưởng chế độ điều dưỡng***

Theo quy định tại Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 ngày 09/12/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá IV về Ưu đãi người có công với cách mạng, người có công và thân nhân tùy từng đối tượng được hưởng chế độ điều dưỡng bao gồm các đối tượng sau:

- Đối tượng hưởng chế độ điều dưỡng hằng năm: (1) Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945; (2) Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945; (3) Cha đẻ, mẹ đẻ chỉ có một con duy nhất là liệt sĩ hoặc có hai con liệt sĩ trở lên; (4) Bà mẹ Việt Nam anh hùng; (5) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên; (6) Bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên; (7) Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên; (8) Người được tặng hoặc trong gia đình được tặng Kỷ niệm chương “Tổ quốc ghi công” hoặc Bằng “Có công với nước” trước Cách mạng tháng Tám năm 1945;

- Đối tượng hưởng chế độ điều dưỡng hai năm một lần: (1) Cha đẻ, mẹ đẻ, người có công nuôi liệt sĩ, vợ hoặc chồng, con liệt sĩ bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng; (2) Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; (3) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 80% trở xuống; (4) Bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 80% trở xuống; (5) Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 80% trở xuống; (6) Người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày; (7) Người được tặng hoặc người trong gia đình được tặng Huân chương Kháng chiến.

Chế độ điều dưỡng được thực hiện bằng 02 phương thức: Điều dưỡng phục hồi sức khoẻ tập trung và điều dưỡng phục hồi sức khoẻ tại gia đình. Kinh phí thực hiện được bảo đảm từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng và ngân sách địa phương bảo đảm chi phí đưa đón, ăn, ở trong thời gian đi đường của đối tượng đi điều dưỡng tập trung.

Theo số liệu lập dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, cả nước có khoảng 1.041.465 người hưởng chế độ điều dưỡng, trong đó có khoảng 39.295 người hưởng chế độ điều dưỡng hằng năm và khoảng 1.002.170 người hưởng chế độ

điều dưỡng hai năm một lần (năm 2021, thực hiện chế độ điều dưỡng cho khoảng 540.380 người). Người có công với cách mạng đa số ở độ tuổi cao, sức khỏe yếu (người tham gia chống Pháp cũng đã trên 65 năm, tuổi đời trên 80 tuổi, tham gia chống Mỹ cũng trên 45 năm) tuổi đời gần 70 tuổi. Một số địa phương đã có chính sách chuyển các đối tượng từ 80 tuổi trở lên thuộc diện hưởng chế độ điều dưỡng hai năm một lần sang thực hiện chế độ điều dưỡng hằng năm như Hà Nội, Bắc Ninh.

Nhiều địa phương chưa có cơ sở điều dưỡng nên số lượng đối tượng hưởng chế độ điều dưỡng tập trung còn thấp, chưa đáp ứng nguyện vọng được đi điều dưỡng tập trung của đối tượng. Bên cạnh đó, nhiều địa phương chưa đa dạng các địa điểm thực hiện điều dưỡng tập trung, cơ sở vật chất chưa được đầu tư đồng bộ cũng làm ảnh hưởng đến nguyện vọng của đối tượng điều dưỡng.

## ***1.2. Thực trạng đối tượng hưởng chế độ nuôi dưỡng***

Người có công đang được nuôi dưỡng ở các Trung tâm thuộc ngành Lao động – Thương binh và Xã hội là những người bị liệt phải ngồi xe lăn, xe lắc, nhiều người không còn khả năng tự lực trong sinh hoạt hoặc mất hết tâm trí (thương bệnh binh nặng mắc bệnh về thần kinh, người bị nhiễm chất độc hóa học bị tâm thần), có người hầu như sống đời sống thực vật...những người này bị thương, bị bệnh từ thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, tuổi cao, sức yếu như vậy tuổi thọ của họ sẽ không trọn vẹn như người Việt Nam bình thường (với tuổi thọ trung bình 73,5 đối với nam và 82 đối với nữ). Hơn nữa số thương binh, bệnh binh này đang được nuôi dưỡng ở các trung tâm của ngành Lao động – Thương binh và Xã hội chỉ có khoảng 1.000 người. Như vậy, thời điểm 10 năm 2021-2030 là “Thời gian vàng” để Đảng, Nhà nước, nhân dân ta thực thi đền ơn đáp nghĩa đối với người và gia đình có công với cách mạng. 10 năm sau nữa số lượng họ giảm đi rất nhiều, khi tuổi đời có hạn, thương tật, bệnh tật làm cho sức khỏe nhanh giảm sút...

Theo kết quả khảo sát, người có công và thân nhân của người có công đang được nuôi dưỡng trong các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công và bảo trợ xã hội là 1.325 người, trong đó chủ yếu là thương binh, bệnh binh với 862 người (chiếm 65,06% tổng số đối tượng đang được nuôi dưỡng).

## **2. Thực trạng người làm việc tại các Trung tâm nuôi dưỡng, điều dưỡng thương binh và người có công**

Viên chức, người lao động tại các trung tâm thiếu về số lượng, yếu về chất lượng, đặc biệt là đội ngũ viên chức nuôi dưỡng, phục vụ trực tiếp thương bệnh

binh nặng. Khả năng chăm sóc sức khỏe y tế, dinh dưỡng còn thấp và ít được bồi dưỡng bổ túc thường xuyên. Đội ngũ cán bộ, viên chức, nhân viên làm công tác nuôi dưỡng, điều dưỡng chưa được đào tạo cơ bản về nghiệp vụ điều dưỡng hoặc được đào tạo từ nhiều nghề khác nhau, chủ yếu làm việc theo kinh nghiệm. Vì vậy, tính chuyên nghiệp của đội ngũ cán bộ, viên chức và điều dưỡng viên làm việc tại các Trung tâm và năng lực chăm sóc người có công của các Trung tâm còn nhiều hạn chế. Mặt khác, số lượng cán bộ, viên chức của các Trung tâm trực thuộc Sở do từng địa phương giao nên định mức biên chế (số giường điều dưỡng/người phục vụ) chưa có sự thống nhất giữa các Trung tâm trong cả nước.

Đội ngũ cán bộ tại các cơ sở này còn thiếu 20% so với nhu cầu, nhất là đội ngũ cán bộ y tế. Bình quân 2 cơ sở mới có 1 bác sĩ. Đội ngũ y tá, điều dưỡng viên còn thiếu 15% so với nhu cầu.

Hầu hết các Trung tâm thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng người có công đều không có chuyên môn phục hồi chức năng cho các đối tượng người có công đến điều dưỡng tại Trung tâm.

### **3. Thực trạng hệ thống cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng**

Hiện nay cả nước có 66 cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng thuộc ngành Lao động – Thương binh và Xã hội được chia thành 6 mô hình, cụ thể như sau: (1) Mô hình điều dưỡng người có công: 32 trung tâm; (2) Mô hình nuôi dưỡng và điều dưỡng người có công: 14 trung tâm; (3) Mô hình nuôi dưỡng người có công và bảo trợ xã hội: 8 trung tâm; (4) Mô hình điều dưỡng người có công và nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội: 4 trung tâm; (5) Mô hình điều dưỡng người có công kết hợp nuôi dưỡng người có công và bảo trợ xã hội: 3 trung tâm; (6) Mô hình nuôi dưỡng người có công: 5 trung tâm.

Một số địa phương như Thái Bình, Hà Tĩnh đã tiến hành sáp nhập một số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn. Một số địa phương như Quảng Trị, Kon Tum, Ninh Thuận, Phú Yên, Bắc Ninh bổ sung nhiệm vụ điều dưỡng người có công cho các cơ sở nuôi dưỡng người có công hoặc nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội hình thành mô hình đa chức năng.

### ***3.1. Thực trạng các cơ sở thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng người có công***

Mật độ các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng theo vùng chưa thực sự phù hợp với số lượng đối tượng được hưởng chế độ điều dưỡng của từng vùng. Cụ thể: vùng TDMNPB đạt tỷ lệ điều dưỡng tập trung cao nhất cả nước.

Các cơ sở thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng người có công với 4 mô hình cho thấy sự đa dạng, phức tạp trong hoạt động. Bên cạnh hiệu quả mang lại từ việc hoạt động với mô hình đa chức năng tại Trung tâm điều dưỡng người có công và bảo trợ xã hội tỉnh Hà Tĩnh, thì một số mô hình kết hợp chưa mang lại hiệu quả như tại Phú Yên. Phòng ở điều dưỡng một số trung tâm chưa đáp ứng tiêu chuẩn khách sạn 3 sao: Trung tâm điều dưỡng người có công số III Hà Nội, Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Thái Nguyên, Phú Thọ, Tam Đảo (Vĩnh Phúc), Quảng Ngãi, Phú Yên.

Nhiều trung tâm được xây dựng ở nơi có danh lam thắng cảnh, cảnh quan thiên nhiên, khí hậu thuận lợi cho công tác điều dưỡng. Một số trung tâm có vị trí chưa được thuận lợi cho công tác điều dưỡng như Trung tâm nuôi dưỡng và điều dưỡng người có công tại Hà Nội, huyện Nghi Lộc (Nghệ An).

Một số trung tâm đã được xây dựng từ lâu hoặc được chuyển đổi công năng sử dụng sang điều dưỡng người có công nên cơ sở vật chất chưa đáp ứng yêu cầu như tại tỉnh Hải Dương.

Cơ sở vật chất: số phòng đạt tiêu chuẩn khách sạn 3 sao mới đạt 15%; số phòng đã bị xuống cấp, cần nâng cấp sửa chữa chiếm 45%. Còn lại 40% số phòng đang hoạt động ở mức chất lượng trung bình.

### ***3.2. Thực trạng các cơ sở thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng người có công***

Hiện nay, cả nước có 31 trung tâm thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng người có công với 04 mô hình tại 24 địa phương, trong đó có 5 trung tâm do Trung ương quản lý. Hầu hết các trung tâm nuôi dưỡng tiền thân là các đoàn an dưỡng – nơi chăm sóc, điều trị cho các thương binh, bệnh binh nặng. Mỗi trung tâm có đặc thù đối tượng nuôi dưỡng khác nhau. Một số địa phương thực hiện việc nuôi dưỡng người có công trong các trung tâm bảo trợ xã hội như Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Phú Yên, Bình Thuận. Một số địa phương bổ sung thêm đối tượng bảo trợ xã hội vào nuôi dưỡng trong cơ sở nuôi dưỡng người có công như khu điều dưỡng thương binh tâm thần kinh Nghệ An. Tại Ninh Bình có 2 cơ sở hoạt động cùng mô hình nuôi dưỡng người có công và đối tượng bảo trợ xã hội bị tâm thần đó là Trung tâm phục hồi chức năng tâm thần Ninh Bình (đối tượng nuôi

dưỡng chủ yếu là bảo trợ xã hội) và Trung tâm điều dưỡng thương binh Nho Quan (đối tượng nuôi dưỡng chủ yếu là người có công), vì vậy, cần rà soát quy hoạch lại mô hình hoạt động của cả 2 trung tâm.

Cơ sở vật chất tại các cơ sở nuôi dưỡng chủ yếu là nhà thấp tầng, được xây dựng từ nhiều năm trước nay đã xuống cấp. Bên cạnh đó trang thiết bị phục vụ điều trị và phục hồi chức năng cho đối tượng còn thiếu thốn, chưa được đầu tư đồng bộ. Nhiều cơ sở vẫn sử dụng nước giếng khoan nên chất lượng nguồn nước không đáp ứng yêu cầu như Trung tâm điều dưỡng thương binh Duy Tiên, Trung tâm điều dưỡng thương binh Thuận Thành.

#### **4. Đánh giá chung về hệ thống cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng**

Các cơ sở, Trung tâm điều dưỡng người có công hiện đang đảm nhận chức năng chăm sóc, bồi dưỡng vật chất, tổ chức các hoạt động văn hóa tinh thần nhằm phục hồi, nâng cao sức khỏe, đời sống tinh thần cho người có công. Tiêu chí chất lượng nhà ở điều dưỡng người có công (cơ sở, trung tâm điều dưỡng người có công) được kế thừa, vận dụng theo tiêu chuẩn khách sạn 3 sao của Ngành Du lịch Việt Nam, theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 4391:2015 của Tổng cục Di lịch - Bộ Văn hóa thể thao và Du lịch. Tuy nhiên, tiêu chí này không dành cho việc cơ sở, trung tâm đăng ký xếp hạng cơ sở lưu trú của ngành du lịch.

Nhưng do cơ sở điều dưỡng người có công Việt Nam thực chất là khu nghỉ dưỡng, điều dưỡng phục hồi sức khỏe...nên việc hoàn thiện và đăng ký xếp hạng cơ sở du lịch là công việc của thời gian tới.

Kiến trúc, quy hoạch của các Trung tâm đa dạng, theo đặc điểm vùng miền, địa hình và khí hậu. Suất đầu tư/giường điều dưỡng nhìn chung là thấp. Bên cạnh việc xây dựng mới, nhiều địa phương chuyển đổi mục đích sử dụng những cơ sở vật chất hiện có sang cơ sở vật chất phục vụ điều dưỡng nên thiết kế chưa phù hợp và chưa đáp ứng được yêu cầu.

Bên cạnh đó, trang thiết bị phục vụ nuôi dưỡng, điều dưỡng của các Trung tâm còn chưa đồng bộ, một số cơ sở xây dựng từ lâu, nay đó xuống cấp; dụng cụ y tế, trang thiết bị cần thiết để phục hồi chức năng cũng thiếu thốn; kinh phí sửa chữa chống xuống cấp và mua sắm trang thiết bị hàng năm hạn chế nên khu vực miền Nam và Tây Nguyên quy mô các trung tâm điều dưỡng người có công còn chưa đạt so với tỷ lệ bình quân chung của cả nước.

Gần như mỗi tỉnh có một cơ sở điều dưỡng người có công. Nhà nước có sự đầu tư lớn phát triển vượt bậc về số lượng có 66 cơ sở nuôi dưỡng và điều dưỡng

người có công. Kết quả khảo sát cho thấy không có đơn vị nào điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật (và cả chất lượng nuôi dưỡng) đánh giá ở mức kém. Tuy nhiên cũng không có cơ sở nào đạt tiêu chuẩn như khách sạn 3 sao như mong muốn.

Chưa có quy hoạch mạng lưới các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng, chưa quy định điều kiện cơ sở, vật chất các Trung tâm điều đó tác động đến chất lượng hoạt động nuôi dưỡng, điều dưỡng. Quy hoạch các cơ sở nuôi dưỡng người có công chưa được triển khai, vẫn giữ nguyên quy hoạch cũ từ thời chiến tranh (có đơn vị từ năm 1957 đến nay). 10 năm trở lại đây, ngay từ năm 2012 theo yêu cầu của Chính phủ (Chương trình hành động của Chính phủ nêu ở Nghị quyết số 70/NQ-CP ngày 1/11/2012) phải rà soát điều chỉnh bổ sung quy hoạch phát triển hệ thống cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng .. song vẫn chưa được hoàn thành.

## **5. Đánh giá chung về môi trường hệ thống cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng**

### **5.1. Hiện trạng môi trường**

#### **5.1.1. Môi trường không khí**

Kết quả thu thập được từ các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công trên phạm vi cả nước cho thấy: Có 60% cơ sở phản ánh cơ sở bị ô nhiễm không khí, cao nhất vùng Trung du miền núi phía Bắc có 95% số cơ sở, tiếp đến đồng bằng sông Hồng có 70% và thấp nhất là vùng Đông Nam bộ cũng có đến 43% số cơ sở phản ánh bị ô nhiễm không khí.

Tình trạng ô nhiễm có sự khác biệt tương đối lớn giữa các cơ sở có thời gian xây dựng, hoạt động dài hay ngắn, nhìn chung là từ 10 năm trở lên là tỷ lệ cơ sở phản ánh bị ô nhiễm là tương đối cao, nhóm hoạt động trên 30 năm đa số là bị ô nhiễm, chiếm đến 72% trong tổng số cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công.

#### **- Tiếng ồn**

Tiếng ồn vượt tiêu chuẩn chủ yếu ở khu vực nấu ăn, khu rửa bát, khu nhà ăn...rất ồn ào vào giờ ăn. Nhất là các cơ sở có đối tượng là bệnh nhân tâm thần, nên tiếng quát mắng, tiếng hét, của người bệnh là nguyên nhân gây ra tiếng ồn chính. Các cơ sở không bị ảnh hưởng tiếng ồn từ môi trường xung quanh. Ô nhiễm tiếng ồn ở các cơ sở chỉ mang tính cục bộ, nó chỉ có ở một vài địa điểm và vào một khoảng thời gian nhất định trong ngày, không kéo dài.

## **5.2. Thực trạng thu gom xử lý rác thải**

### **5.2.1. Rác thải sinh hoạt**

Theo kết quả khảo sát, bình quân một đối tượng thải ra 0.5 kg/ngày như vậy lượng rác thải ra tại mỗi cơ sở là 50 kg/ ngày. Bình quân 66 cơ sở có 6.600 người sẽ có tổng lượng rác thải khoảng 3,3 tấn/ngày. Với tổng lượng rác thải như vậy nếu không có biện pháp xử lý phù hợp sẽ là nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

Rác là nguồn gây ô nhiễm môi trường nhưng chỉ có khoảng 30% số cơ sở tiến hành phân loại rác thải tại nguồn phát sinh, tỷ lệ cao nhất ở vùng Tây nguyên, tiếp theo là vùng Đông Nam bộ, thấp nhất là vùng Trung du miền núi Bắc Bộ.

**Các hình thức thu gom rác:** Rác không được phân loại tại nguồn, được thu gom vào các thùng chứa rác, tuy nhiên còn khoảng 15% số cơ sở chứa rác trong các thùng không có nắp đậy. Rác tồn chứa trong thùng không nắp không đảm bảo vệ sinh, sinh mùi hôi, ruồi muỗi, gây ô nhiễm môi trường. Đa số các cơ sở thu gom rác hàng ngày, song cũng còn khoảng 10% số cơ sở thu rác theo chu kỳ 2 hoặc 3 ngày/lần.

Rác thu gom thành đồng hỗn hợp, các cơ sở áp dụng các biện pháp xử lý khác nhau: có cơ sở chở đi nơi khác, có cơ sở áp dụng phương pháp đốt tại chỗ là chủ yếu. Có khoảng 50% số cơ sở phản ánh tình trạng rác thải hiện nay đang gây ô nhiễm môi trường.

### **5.2.2. Rác thải y tế**

Đây là loại rác thải nguy hại, cần phải áp dụng các biện pháp xử lý đúng quy trình. Theo báo cáo của các địa phương, có 40% số cơ sở khảo sát có rác thải y tế, cao nhất là vùng Trung du miền núi phía Bắc cơ sở có rác thải y tế, tiếp theo là vùng Đồng bằng sông Hồng và Bắc trung bộ và duyên hải Miền Trung.

#### **Xử lý rác thải y tế**

Hầu hết các cơ sở không tuân thủ các biện pháp xử lý rác thải y tế, đổ chung với rác thải sinh hoạt, thu gom vào các thùng có nắp và không nắp, cho vào túi nilon chuyển đi. Sau đó xử lý bằng biện pháp đốt là chủ yếu, và một số cơ sở đem chôn lấp hoặc chuyển đi nơi khác.

Khoảng 20% số cơ sở phản ánh rác thải y tế không gây ô nhiễm môi trường, khoảng 80% cho rằng rác thải y tế có gây ô nhiễm tại cơ sở, trong đó cao nhất là các cơ sở cai nghiện ma túy (20%) và cơ sở nuôi dưỡng thương binh và người có công (15%).

### **5.3. Môi trường nước thải**

#### **5.3.1. Nước thải sinh hoạt**

Theo phản ánh từ các cơ sở: có 100% số cơ sở phản ánh nước thải sinh hoạt gây ô nhiễm môi trường. Kết quả báo cáo của các địa phương cho thấy nguồn nước thải sinh hoạt bị ô nhiễm nhẹ có một số chỉ tiêu không đạt tiêu chuẩn cho phép ở mức từ 2-3 lần như tổng lượng chất rắn lơ lửng vượt 2-3 lần, BOD vượt tiêu chuẩn cho phép 2,5 đến 3.82 lần, ngoài ra trong nước thải còn tồn tại một số yếu tố như tổng lượng nito, phot pho, dầu mỡ và một số kim loại nặng khác. Ô nhiễm nước thải là nguyên nhân gây ô nhiễm nước sinh hoạt nếu không xử lý triệt để nguồn nước thải, về lâu dài sẽ làm cho nguồn nước ngầm bị ô nhiễm trầm trọng hơn và sẽ gây ô nhiễm môi trường nước mặt xung quanh.

#### **- Hình thức thải:**

Nước thải chủ yếu được xả xuống hệ thống cống, qua bể lắng rồi chảy ra môi trường xung quanh, chỉ có 1 tỷ lệ nhỏ các cơ sở cho chảy tự do hoặc xử trực tiếp ra môi trường xung quanh.

Các hình thức thải nhìn chung tương đối đảm bảo vệ sinh, hạn chế ô nhiễm. Đa số hệ thống thoát nước thải hiện nay trong các cơ sở bảo trợ đã được bê tông hóa (90%), chỉ có một tỷ lệ khoảng 10% các cơ sở còn thải nước sinh hoạt theo rãnh nổi, tập trung chủ yếu ở các cơ sở tổng hợp và cơ sở quản lý người tâm thần, đây cũng là nguyên nhân ô nhiễm nước thải sinh hoạt cao ở các cơ sở này.

#### **- Tình trạng thoát nước thải**

Có khoảng 30% số cơ sở phản ánh tình trạng nước thải bị tắc nghẽn, trong đó có khoảng 5% số cơ sở phản ánh bị tắc nghẽn thường xuyên.

Việc áp dụng các biện pháp hạn chế ô nhiễm môi trường nước thải sinh hoạt cũng được các cơ sở quan tâm, có khoảng 90% số cơ sở áp dụng các biện pháp giảm ô nhiễm. Tuy nhiên việc đo kiểm để đánh giá mức độ ô nhiễm của nước thải chưa được các cơ sở thực hiện. Một phần do nhận thức về ô nhiễm chưa cao mặt khác do phương pháp đo phức tạp. Chỉ có 10% cơ sở có tiến hành phân tích chất lượng nước thải.

#### **5.3.2. Nước thải y tế**

Trong quá trình quản lý, chăm sóc sức khỏe cho người có công, các cơ sở đều phát thải nước thải y tế, nước thải được phát sinh từ các phòng y tế, phòng điều dưỡng phục hồi chức năng, phòng điều trị, nhất là tại các cơ sở nuôi dưỡng thương binh và người có công.

Có 90% số cơ sở không xử lý nước thải y tế, cho chảy trực tiếp vào hệ thống cống thải chung trong cơ sở. Chỉ có 20% số cơ sở phản ánh nước thải y tế gây ô nhiễm môi trường. Kết quả đo nước thải y tế ở một số cơ sở cho thấy nước thải y tế không bị ô nhiễm các chỉ số như tổng lượng chất rắn lơ lửng, BOD nhưng tồn tại một số chỉ tiêu như tổng nito, tổng photpho, tổng dầu mỡ. Như vậy nước thải y tế bị ô nhiễm nhẹ bởi một số chất hữu cơ, kim loại nặng.

### **PHẦN III**

## **ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUY HOẠCH HỆ THỐNG CƠ SỞ NUÔI DƯỠNG, ĐIỀU DƯỠNG NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG THỜI KỲ TRƯỚC**

### **1. Quy mô đầu tư cho các Trung tâm điều dưỡng người có công theo Quy hoạch các Trung tâm điều dưỡng người có công giai đoạn 2011-2015**

Giai đoạn 2010-2015, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã triển khai đầu tư cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới thêm cơ sở hạ tầng cho 18 Trung tâm điều dưỡng người có công trên địa bàn cả nước với tổng số vốn đầu tư 1.140.594 triệu đồng, tổng quy mô 1.559 giường.

- Đối với các Trung tâm điều dưỡng người có công tại các địa phương: Quy mô Trung tâm ở các tỉnh trung bình từ 80 đến 100 giường/Trung tâm, phù hợp với nhu cầu của địa phương, khả năng về bộ máy và bố trí kinh phí vận hành.

- Đối với các Trung tâm điều dưỡng người có công khu vực, quy mô Trung tâm khu vực thường khoảng 150 - 200 giường/Trung tâm. Trung tâm khu vực quy mô lớn hơn để hỗ trợ các địa phương chưa có cơ sở điều dưỡng. Theo Quy hoạch các Trung tâm điều dưỡng người có công, giai đoạn 2010-2015 Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã triển khai các Trung tâm khu vực sau: Tại tỉnh Thanh Hóa có Trung tâm điều dưỡng Người có công Thanh Hóa; tại Thành phố Đà Nẵng đã triển khai đầu tư Trung tâm điều dưỡng Người có công khu vực miền Trung, hoàn thành trong năm 2017; tại Thành phố Hồ Chí Minh đã triển khai dự án Trung tâm điều dưỡng và Phục hồi chức năng tại đường Nguyễn Văn Chí để hình thành cơ sở cho khu vực, hoàn thành năm 2018; tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đã triển khai chuẩn bị đầu tư dự án nâng cấp, tăng quy mô cho Trung tâm điều dưỡng thương binh Long Đất để có thể phục vụ được cho người có công của khu vực, hoàn thành năm 2018.

### **2. Quy mô đầu tư cho phát triển các Trung tâm nuôi dưỡng, điều dưỡng thương binh và người có công trên cả nước giai đoạn 2011-2015**

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản đối với các dự án trung tâm nuôi dưỡng, điều dưỡng thương binh và người có công của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội là nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung của Ngân sách Nhà nước.

Trong giai đoạn 2011-2015, Bộ đã đầu tư cho 03 trung tâm với quy mô chăm sóc cho khoảng 288 thương bệnh binh, bao gồm: Trung tâm điều dưỡng thương binh Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh; Trung tâm điều dưỡng thương binh Nho Quan, tỉnh Ninh Bình; Trung tâm nuôi dưỡng, điều dưỡng thương binh nặng và người có công Thọ Châu, tỉnh Thanh Hóa.

Tính đến hết năm 2015, cả 03 dự án nêu trên hoàn thành, đưa vào sử dụng, đáp

ứng nhu cầu chăm sóc, nuôi dưỡng, điều dưỡng cho thương bệnh binh của một số tỉnh trong khu vực. Với tổng kinh phí đầu tư là 145.571 triệu đồng, tổng số thương bệnh binh đang được nuôi dưỡng, điều dưỡng là 288 người.

### **3. Đánh giá tình hình đầu tư phát triển hệ thống cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng trên cả nước giai đoạn 2016-2020**

#### ***3.1. Quy mô đầu tư cho các Trung tâm điều dưỡng người có công chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020***

Trong giai đoạn 2016-2020, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã đầu tư cho 10 Trung tâm điều dưỡng người có công được chuyển tiếp đầu tư từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020, với tổng số vốn đầu tư là 856.940 triệu đồng, quy mô 905 giường.

#### ***3.2. Quy mô đầu tư cho các Trung tâm điều dưỡng người có công phát triển mới giai đoạn 2016-2020***

Trong giai đoạn 2016-2020, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã đầu tư cho 6 Trung tâm điều dưỡng người có công phát triển mới và đưa vào sử dụng giai đoạn 2016-2020, với tổng số vốn đầu tư là 429.810 triệu đồng, quy mô 596 giường. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã đầu tư cho 10 Trung tâm điều dưỡng người có công phát triển mới và đưa vào sử dụng sau năm 2020, với tổng số vốn đầu tư là 902.353 triệu đồng, quy mô 1.124 giường. Tổng số vốn đầu tư 16 Trung tâm là 1.332.163 triệu đồng, quy mô 1.720 giường.

#### ***3.3. Quy mô đầu tư cho các Trung tâm nuôi dưỡng, điều dưỡng thương binh giai đoạn 2016-2020***

Trong giai đoạn 2016-2020, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã đầu tư cho 2 Trung tâm nuôi dưỡng, điều dưỡng thương binh, với tổng số vốn đầu tư là 113.978 triệu đồng, quy mô nuôi dưỡng, điều dưỡng 260 thương binh. Trong đó: Đầu tư cho Trung tâm điều dưỡng thương binh Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang 54.000 triệu đồng để nuôi dưỡng, điều dưỡng 60 thương binh. Đầu tư cho Trung tâm điều dưỡng thương binh tâm thần, thần kinh tỉnh Nghệ An 59.978 triệu đồng để nuôi dưỡng, điều dưỡng 200 thương binh.

### **4. Đánh giá những thuận lợi, khó khăn trong công tác nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng**

#### ***a) Thuận lợi***

- Ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí thực hiện chế độ nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng.
- Chế độ điều dưỡng được điều chỉnh tăng với mức điều dưỡng tại nhà là 0,9

lần mức chuẩn, mức điều dưỡng tập trung là 1,8 lần mức chuẩn đã góp phần làm tăng chất lượng dịch vụ điều dưỡng người có công.

- Các điều kiện vật chất như: Thuốc men; chăm sóc, tư vấn sức khỏe, phục vụ nhà, phòng chu đáo; Công tác phục vụ nấu ăn cho người có công đảm bảo đầy đủ dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm, qua đợt điều dưỡng đa số đại biểu sức khỏe được cải thiện, ngoài việc nâng cao sức khỏe, còn là dịp để ôn lại truyền thống đấu tranh cách mạng vẻ vang của dân tộc... Nhờ đó, sức khỏe và tinh thần của các đối tượng người có công và thân nhân được nâng lên rõ rệt.

- Viên chức, lao động trong đơn vị có ý thức trách nhiệm cao trong công việc và luôn phấn đấu thực hiện hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Ban Giám đốc các Trung tâm luôn sát sao trong công tác chỉ đạo, điều hành các hoạt động của đơn vị, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên phụ trách lĩnh vực công tác.

- Các dự án xây dựng mới các Trung tâm nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công đều được bố trí vốn kịp thời, công tác giải phóng mặt bằng dự án đã được hoàn thành tốt, bàn giao cho chủ đầu tư toàn bộ không còn vướng mắc gì. Các đơn vị gồm thi công, giám sát, cùng chủ đầu tư, ban quản lý tập trung nguồn lực thực hiện dự án, tháo gỡ vướng mắc khó khăn đây nhanh tiến độ.

#### ***b) Khó khăn***

- Hệ thống cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công còn thiếu, cơ sở vật chất còn nghèo nàn, chưa đạt mục tiêu đề ra. Số lượng người có công vào điều dưỡng tại các Trung tâm không đảm bảo chỉ tiêu.

- Đa số đại biểu người có công tuổi cao, sức khỏe yếu, cộng với vết thương thực thể tái phát, ảnh hưởng chất độc hóa học, nên việc phục vụ gặp rất nhiều khó khăn.

- Cán bộ, viên chức và người lao động trong các Trung tâm có thu nhập thấp không bảo đảm đời sống gia đình. Nhiều cán bộ, viên chức và người lao động trong các Trung tâm phải làm việc kiêm nhiệm cùng lúc nhiều nhiệm vụ.

- Địa phương bảo đảm kinh phí đưa đón, ăn, ở khi tổ chức đưa người có công đi điều dưỡng tập trung vì vậy, đối tượng được thụ hưởng dịch vụ điều dưỡng tập trung còn hạn chế, chưa đáp ứng nguyện vọng của đối tượng.

- Hệ thống cấp nước sạch sinh hoạt, bảo vệ môi trường, xử lý rác thải y tế, rác thải sinh hoạt chưa được đầu tư đồng bộ.

- Tại các tỉnh miền núi, địa hình bị chia cắt, đi lại khó khăn, mùa đông khắc nghiệt, thời tiết thường xuyên ẩm ướt nên cơ sở vật chất, trang thiết bị nhanh hỏng

học cần phải bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên. Đa số nhân viên chưa được biên chế, thu nhập còn thấp nên nhiều cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng xin nghỉ việc hoặc xin chuyển công tác.

- Việc trả lương lao động hợp đồng trong thời gian không điều dưỡng gặp nhiều khó khăn. Nhiều Trung tâm chưa có biên chế chuyên ngành y, thiếu lái xe do vậy đơn vị phải thuê lao động hợp đồng nên cũng có phần ảnh hưởng đến công tác điều dưỡng.

- Nhiều Trung tâm chưa có nhà điều hành nên hiện tại phải sử dụng một số lượng lớn phòng điều dưỡng để làm phòng chuyên môn và kho chứa thuốc, làm giảm số phòng điều dưỡng và làm tăng lượng giường trong một số phòng phòng (03 giường/phòng) dẫn tới bất tiện trong sinh hoạt của đối tượng.

- Việc đưa đối tượng có tiền sử bệnh nguy hiểm như tim mạch, huyết áp, động kinh, loạn thần... đi điều dưỡng dẫn đến việc có nhiều đối tượng lên đến các Trung tâm điều dưỡng lại phải đưa về địa phương hoặc đưa lên bệnh viện tuyến trên.

### ***c) Nguyên nhân***

- Các thương bệnh binh đều có tỷ lệ thương tật từ 81% đến 100%, nay lại có thêm các bệnh của người cao tuổi (tiểu đường, huyết áp, tim mạch ...) nên công tác chăm sóc sức khỏe đòi hỏi cần chú trọng, tăng cường nhiều hơn.

- Hiện nay, chỉ có một số Trung tâm có bác sĩ cho nên mỗi lần thương bệnh binh vết thương tái phát đều phải chuyển ngay đi các tuyến bệnh viện.

- Một số cơ sở hoạt động với mô hình đa chức năng nhưng không đảm bảo không gian riêng để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công dẫn đến chất lượng dịch vụ nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công không đạt tiêu chuẩn.

- Nhiều Trung tâm chưa có hệ thống xử lý rác thải y tế, nên rác thải y tế vẫn được gom vào khu rác thải chung không đảm bảo an toàn.

- Cán bộ và lao động hợp đồng trong các Trung tâm hầu hết còn làm trái nghề, biên chế thiếu nên chưa bố trí được lao động đúng với vị trí việc làm.

- Việc tuyên truyền, quảng bá hình ảnh và thông tin về các Trung tâm trên các trang mạng, thông tin đại chúng chưa được làm tốt.

- Viên chức, người lao động đa số còn làm kiêm nhiệm nhiều công việc nên chưa có nhiều thời gian dành cho nghiên cứu học tập kinh nghiệm chuyên môn.

## **PHẦN IV**

### **CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CÔNG TÁC CHĂM SÓC NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG VÀ DỰ BÁO XU THẾ PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN**

#### **I. BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG CƠ SỞ NUÔI DƯỠNG, ĐIỀU DƯỠNG NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG**

##### **1. Bối cảnh kinh tế - xã hội trong nước**

Nền kinh tế Việt Nam tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng tương đối cao (bình quân 6-7%/năm) và được đánh giá là một trong những thị trường năng động. Theo dự báo của Ngân hàng Thế giới, GDP bình quân/người trong nước sẽ tiếp tục tăng trưởng trong hai thập kỷ tới (ước đạt 7.500 USD/người vào năm 2035 với mức tăng trưởng bình quân đầu người là 6%).

Thêm vào đó, doanh nghiệp tư nhân ở Việt Nam tăng nhanh về số lượng, đóng vai trò quan trọng tạo việc làm và làm tăng tỷ trọng việc làm. Môi trường kinh doanh đang được cải thiện đáng kể, nhất là trong lĩnh vực khởi sự kinh doanh và tiếp cận điện năng.

Sau hơn 30 năm Đổi mới, Việt Nam thoát ra khỏi nhóm các nước nghèo và gia nhập nhóm các nước có mức thu nhập trung bình, chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo mô hình mới. Thúc đẩy tăng trưởng thông qua tạo điều kiện thuận lợi, kích lệ và thôi thúc nguồn lực (vốn, đất đai, lao động, kỹ năng, và tài năng) không ngừng dịch chuyển từ khu vực có giá trị và năng suất thấp lên khu vực có giá trị và năng suất cao hơn. Các công cụ chính sách thuộc phương thức này liên quan đến khuyến khích doanh nghiệp và chính quyền địa phương đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ mới, nâng cao năng lực quản trị chiến lược, và kiến tạo sức mạnh cộng hưởng cho tăng trưởng thông qua liên kết vùng.

Những năm gần đây, cơ chế quản lý và điều hành của Chính phủ đang dần chuyển dịch theo hướng “Chính phủ kiến tạo” xoay quanh năm thay đổi chính, đó là: (i) Chính phủ chủ động thiết kế một hệ thống pháp luật tốt, những chính sách tốt, thể chế tốt để nuôi dưỡng nền kinh tế phát triển, chứ không phải bị động đối phó với những diễn biến trên thực tế; (ii) Nhà nước không làm thay thị trường, những khu vực nào thị trường có thể làm được, doanh nghiệp khu vực ngoài nhà nước có thể làm được thì Nhà nước không can thiệp, mà thay vào đó là tạo điều kiện cho các doanh nghiệp làm; (iii) Nhà nước sẽ chỉ đầu tư vào những khu vực các doanh nghiệp tư nhân không thể đầu tư. (iv) Chính phủ tạo dựng một môi trường kinh doanh thuận lợi, bình đẳng không chỉ nằm ở nhóm Top 4 nước

ASEAN, mà còn phấn đấu vươn lên tiêu chí của các nước nhóm OECD.

Nhìn tổng thể, qua 35 năm đổi mới, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử; đồng thời cũng còn nhiều vấn đề lớn, phức tạp, nhiều hạn chế, yếu kém cần phải tập trung giải quyết, khắc phục để tiếp tục đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững hơn.

## **2. Bối cảnh kinh tế - xã hội quốc tế**

Toàn cầu hóa kinh tế là xu hướng, tuy nhiên, trào lưu phản đối toàn cầu hóa đã xuất hiện không chỉ ở các quốc gia phát triển mà còn ở các quốc gia đang phát triển. Xu hướng này đã và đang làm thay đổi đáng kể việc hoạch định chiến lược, kế hoạch và chính sách phát triển kinh tế của nhiều nước. Nền kinh tế thế giới ngày càng khó dự báo bởi xuất hiện những vấn đề phi truyền thống, chưa từng có, khó lường. Sự cạnh tranh kinh tế và chính trị giữa các cường quốc tác động không nhỏ tới triển vọng phát triển kinh tế của các nước khác, đặc biệt là các nước có nền kinh tế với độ mở cao. Việt Nam là nước đang và sẽ trực tiếp chịu tác động mạnh mẽ của những biến động trong nền kinh tế thế giới. Những biến động đó sẽ vừa tạo cơ hội và vừa tạo ra những thách thức cho phát triển kinh tế của Việt Nam nói chung và cho các ngành, các địa phương, trong đó có ngành Lao động - Thương binh và Xã hội nói riêng.

Bên cạnh đó, những cuộc tranh luận xung quanh chủ nghĩa dân tộc kinh tế sẽ tiếp tục làm gia tăng áp lực thắt chặt viện trợ toàn cầu từ các quốc gia phát triển dành cho các quốc gia đang phát triển như Việt Nam, gây ảnh hưởng đến một nguồn vốn đầu tư quan trọng cho các dự án lớn, đặc biệt là các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng xã hội, trong đó có hệ thống cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng.

Như vậy, trong bối cảnh mâu thuẫn giữa toàn cầu hóa kinh tế và chủ nghĩa kinh tế dân tộc, Việt Nam nói chung và ngành Lao động - Thương binh và Xã hội nói riêng cần chú trọng và linh hoạt thực hiện phương châm “đa dạng hóa, đa phương hóa”. Phương châm “đa dạng hóa, đa phương hóa” sẽ giúp giảm nhẹ sự ảnh hưởng của xu hướng bảo hộ mậu dịch. Ngoài ra, thông qua nhiều kênh thông tin để thông báo kịp thời những biến động của thị trường thế giới, cảnh báo sớm cho các doanh nghiệp, chủ động hình thành hệ thống giải pháp ứng phó để bảo vệ lợi ích chính đáng của mình và giảm thiểu thiệt hại, chuyển hướng sang các thị trường tiềm năng khác.

## **3. Tác động từ đại dịch Covid-19**

Đại dịch Covid-19 dẫn tới nền kinh tế và thương mại sụt giảm. GDP toàn

cầu trong năm 2020 dự kiến suy thoái 1,8% - 3,9%. Tuy nhiên, đại dịch Covid-19 trong tương lai sẽ mở ra cơ hội phát triển cho Việt Nam. Dự báo sẽ có sự thay đổi lớn về cơ cấu khối thương mại toàn cầu do chuyển đổi về địa chính trị và các chuỗi giá trị. Đại dịch Covid-19 cũng mở ra “thời kỳ bình ổn mới”, thay đổi đáng kể cách làm việc. Các cuộc họp ảo từ xa hiện đang phổ biến và hoạt động kinh tế đã tăng lên trên một loạt các nền tảng kỹ thuật số. Bộ lao động - Thương binh và Xã hội cần tận dụng xu hướng này để thu hút đầu tư vào các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng và đẩy mạnh phát triển CNTT phục vụ cho các cơ sở này.

Trước tình hình đại dịch Covid-19 bùng phát mạnh mẽ, diễn biến phức tạp trên toàn cầu, kinh tế thế giới suy giảm nhanh và ngày càng nghiêm trọng, bức tranh kinh tế - xã hội Việt Nam 6 tháng đầu năm 2020 duy trì được là nhờ sự chỉ đạo, điều hành kịp thời, quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và nỗ lực của các cấp, ngành, địa phương, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân.

Đối với ngành Lao động - Thương binh và Xã hội, trong 6 tháng đầu năm cũng đã chịu nhiều ảnh hưởng của đại dịch; tỷ lệ tham gia lực lượng lao động thấp kỷ lục, tỷ lệ thất nghiệp, tỷ lệ thiếu việc làm của lực lượng lao động trong độ tuổi tăng cao do nhu cầu thị trường lao động sụt giảm. Dịch Covid-19 có giai đoạn đã diễn biến rất nhanh, gây khó khăn cho dự báo thời điểm đỉnh dịch và thời điểm kết thúc, ảnh hưởng nặng nề đến tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Áp lực kiểm soát lạm phát, tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm tăng cao đã ảnh hưởng lớn đến việc bảo đảm an sinh xã hội, đời sống của Nhân dân.

Trong bối cảnh khó khăn chung, toàn Ngành Lao động - Thương binh và Xã hội đã tập trung, ưu tiên cho công tác phòng, chống dịch; đồng thời có các giải pháp để thực hiện nghiêm chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, nhất là các giải pháp hỗ trợ người lao động, cung ứng lao động cho doanh nghiệp, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất - kinh doanh; thực hiện tốt công tác bảo đảm an sinh xã hội. Các địa phương dù gặp nhiều khó khăn song đã khẩn trương, tập trung thực hiện các giải pháp, chương trình, đề án, chính sách về lao động, giải quyết việc làm, phát triển nguồn nhân lực, nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng, giảm nghèo..., góp phần ổn định, phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội. Trên cơ sở kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ 6 tháng đầu năm; cùng với những tín hiệu tương đối tích cực từ nền kinh tế, dự báo thị trường lao động sẽ sôi động trở lại nếu dịch Covid-19 được kiểm soát tốt.

**4. Cơ hội, thách thức, điểm mạnh, điểm yếu của hệ thống cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng hiện nay**

### ***a) Cơ hội phát triển***

Việt Nam đã tham gia vào một loạt Hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới (CPTPP, EVFTA), đồng thời tiếp tục đàm phán Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện (RCEP) và nhiều Hiệp định thương mại tự do khác...; Việt Nam tiếp tục thực hiện các cam kết trong Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC)... là những yếu tố quan trọng thúc đẩy thương mại và đầu tư... ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự phát triển kinh tế - xã hội cả nước.

CMCN lần thứ tư đem lại cho nước ta, trong đó có ngành lao động - Thương binh và Xã hội một vận hội mới, tăng áp lực cải cách, tận dụng những lợi thế, tận dụng các cơ hội tiếp cận các công nghệ hiện đại, từ đó có thể giải quyết các vấn đề về môi trường.

Xu thế dịch chuyển dòng vốn FDI đã và đang diễn ra, ngày càng thể hiện rõ nét hơn từ khi có đại dịch Covid-19. Ngành Lao động - Thương binh và Xã hội có thể tận dụng lợi thế để đón làn sóng đầu tư vào Việt Nam một cách có chọn lọc nhằm xây dựng hệ thống cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng có hiệu quả.

Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kỳ quá độ đã xác định vào giữa thế kỷ XXI (tương ứng với thời điểm 100 năm thành lập nước Việt Nam mới) phải ra sức phấn đấu xây dựng nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây cũng là cơ hội để ngành Lao động - Thương binh và Xã hội phát huy các cơ chế, chính sách chung để vươn lên, tập trung đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng trên phạm vi cả nước.

Những cơ chế, chính sách mới của Nhà nước, của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, cùng với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và chuyên gia năng động, sáng tạo, nhạy bén đã trưởng thành, đang tiếp tục tạo uy tín và sức hút đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Ở tầm khu vực, Châu Á - Thái Bình Dương là khu vực kinh tế năng động nhất, nơi có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, môi trường đầu tư được cải thiện, xuất khẩu tăng nhanh hơn so với các khu vực khác trên thế giới. Việt Nam là nước nằm trong khu vực này, có nhiều cơ hội hợp tác phát triển, thu hút các nguồn tài chính và mở rộng thị trường. Để nắm bắt và đón đầu được xu thế này, Chính phủ, các Bộ ngành, địa phương nói chung và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nói riêng cần tích cực hoàn thiện hệ thống chính sách và thể chế hướng đến tăng cường năng lực tiếp cận và ứng dụng thành quả của cuộc CMCN 4.0 trong các chiến lược, chính sách phát triển đất nước và ngành Lao động - Thương binh và

Xã hội.

Hội nhập quốc tế sẽ giúp Việt Nam nói chung và ngành Lao động - Thương binh và Xã hội nói riêng mở ra những cơ hội lớn như: (i) Được tiếp cận thị trường hàng hoá và dịch vụ ở tất cả các nước thành viên với mức thuế nhập khẩu đã được cắt giảm và các ngành dịch vụ mà các nước mở cửa theo các Nghị định thư gia nhập của các nước này, không bị phân biệt đối xử; (ii) Vị thế của Việt Nam bình đẳng như các thành viên khác trong việc hoạch định chính sách thương mại toàn cầu, có cơ hội để đấu tranh nhằm thiết lập một trật tự kinh tế mới công bằng hơn, hợp lý hơn, có điều kiện để bảo vệ lợi ích của đất nước, của doanh nghiệp; (iii) Nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Việc thực hiện CPTPP, khả năng phê chuẩn EVFTA và khả năng kết thúc đàm phán RCEP có thể tạo thêm sức hút cho nhà đầu tư nước ngoài đến Việt Nam, trong đó có ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.

#### ***b) Thách thức***

Hội nhập mở ra các cơ hội nhưng cũng đem đến những thách thức nếu không tận dụng được nhiều cơ hội, trong khi những thách thức và nguy cơ đã trở thành hiện thực. Điều này đã gây ra những ảnh hưởng rất lớn đối với nền kinh tế và triển vọng phát triển của Việt Nam.

Quá trình đổi mới, cơ cấu lại kinh tế chưa hoàn thành và những thách thức ngày càng tăng về kinh tế chính trị. Những thách thức chung của nền kinh tế nêu trên cũng là những thách thức của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội trong thời kỳ quy hoạch tới.

Thách thức do những tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu, môi trường, dịch bệnh ngày càng phức tạp, với độ mở của nền kinh tế hiện nay, chúng ta khó có thể lường trước và chủ động kiểm soát. Đây sẽ vẫn là những nguy cơ và thách thức đối với ngành Lao động - Thương binh và Xã hội trong thời kỳ quy hoạch sắp tới.

#### ***c) Đánh giá chung về điểm mạnh của hệ thống cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng***

Nhận thức về nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng ngày càng rõ, nhất quán với quan điểm xuyên suốt là gắn tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội.

Hệ thống luật pháp về nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng đang dần được hoàn thiện, từng bước đáp ứng các nhu cầu cơ bản của đối tượng về điều trị thương tật, bệnh tật, chăm sóc sức khỏe và phục hồi chức năng.

Hệ thống dịch vụ nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng ngày càng phát triển đáp ứng tốt hơn nhu cầu chăm sóc đối tượng có công với cách mạng.

***d) Đánh giá chung về điểm yếu của hệ thống cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng***

Hệ thống cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công còn thiếu, cơ sở vật chất còn nghèo nàn, chưa đạt mục tiêu đề ra. Các chế độ, chính sách mới chỉ bảo đảm hỗ trợ được một phần các nhu cầu thiết yếu của đối tượng.

Đội ngũ cán bộ nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng còn thiếu về số lượng và yếu về chất lượng, tính chuyên nghiệp chưa cao, nhất là đội ngũ y, bác sĩ, điều dưỡng viên.

Sự tham gia của khu vực tư nhân và các tổ chức xã hội và các NGO vào hệ thống nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng chưa tương xứng với tiềm năng sẵn có của nó do thiếu cơ chế hỗ trợ phù hợp.

## **II. XU THẾ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU, THIÊN TAI ẢNH HƯỞNG ĐẾN HỆ THỐNG CƠ SỞ NUÔI DƯỠNG, ĐIỀU DƯỠNG NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG**

### **1. Phân tích xu thế và kịch bản BĐKH ở Việt Nam**

#### ***1.1. Đặc điểm khí hậu và thiên tai ở các vùng của Việt Nam***

Các vùng ở Việt Nam có đặc điểm khí hậu và thiên tai khá khác biệt. Tây Bắc đối mặt với các nguy cơ thiên tai lũ quét, xói mòn, sạt lở; khô nóng, sương muối và mưa đá, rét đậm, rét hại. Đông Bắc là nguy cơ lũ quét, ngập lụt, sạt lở, xói mòn đất, rét đậm, rét hại. Đồng bằng bắc bộ là bão và áp thấp nhiệt đới, rét đậm, rét hại. Bắc Trung Bộ là hạn hán chủ yếu xảy ra vào giữa mùa hè bão và áp thấp nhiệt đới, rét hại. Duyên hải Nam trung bộ là bão và áp thấp nhiệt đới, rét đậm. Tây Nguyên là hạn hán. Nam Bộ là hạn hán xảy ra nửa cuối mùa đông, bão và áp thấp nhiệt đới.

#### ***1.2. Xu thế biến đổi khí hậu và thiên tai ở các vùng của Việt nam***

##### ***a) Nhiệt độ:***

Nhiệt độ có xu thế tăng ở hầu hết các trạm quan trắc, tăng nhanh trong những thập kỷ gần đây. Tốc độ tăng trung bình mỗi thập kỷ khoảng  $0,10^{\circ}\text{C}$ , thấp hơn giá trị trung bình toàn cầu ( $0,12^{\circ}\text{C}$ /thập kỷ, IPCC 2013).

##### ***b) Lượng mưa:***

Lượng mưa năm ở các khu vực phía Bắc có xu thế giảm (từ 5,8% ÷ 12,5%/57 năm); các khu vực phía Nam có xu thế tăng (từ 6,9% ÷ 19,8%/57 năm). Khu vực Nam Trung Bộ có mức tăng lớn nhất (19,8%/57 năm); khu vực đồng bằng Bắc Bộ có mức giảm lớn nhất (12,5%/57 năm).

*c) Các hiện tượng cực đoan liên quan tới nhiệt độ*

- Số ngày nóng (số ngày có  $T_x \geq 35^\circ\text{C}$ ) có xu thế tăng ở hầu hết các khu vực của cả nước, đặc biệt là ở Đông Bắc, đồng bằng Bắc Bộ và Tây Nguyên với mức tăng phổ biến 2÷3 ngày/10 năm, nhưng giảm ở một số nơi thuộc Tây Bắc, Nam Trung Bộ và khu vực phía Nam.

- Số ngày rét đậm, rét hại ở miền Bắc có xu thế giảm, đặc biệt là trong hai thập kỷ gần đây, tuy nhiên có sự biến động mạnh từ năm này qua năm khác, xuất hiện những đợt rét đậm kéo dài kỷ lục, những đợt rét hại có nhiệt độ khá thấp.

- Hạn hán: Số lượng các đợt hạn hán, đặc biệt là hạn khắc nghiệt gia tăng trên phạm vi toàn quốc. Các giá trị kỷ lục liên tiếp được ghi nhận trong vài năm trở lại đây. Từ năm 2000 đến nay, khô hạn gay gắt hầu như năm nào cũng xảy ra.

*d) Các hiện tượng cực đoan liên quan đến mưa*

Mưa cực đoan có xu thế biến đổi khác nhau giữa các vùng khí hậu: giảm ở hầu hết các trạm thuộc Tây Bắc, Đông Bắc, đồng bằng Bắc Bộ và tăng ở phần lớn các trạm thuộc các vùng khí hậu khác. Số liệu quan trắc cho thấy mưa trái mùa và mưa lớn dị thường xảy ra nhiều hơn.

*đ) Bão và áp thấp nhiệt đới*

Theo số liệu thống kê thời kỳ 1959-2015, trung bình hàng năm có khoảng 12 cơn bão và áp thấp nhiệt đới (ATNĐ) hoạt động trên Biển Đông, trong đó khoảng 45% số cơn hình thành ngay trên Biển Đông và 55% số cơn hình thành từ Thái Bình Dương di chuyển vào. Mỗi năm có khoảng 7 cơn bão và áp thấp nhiệt đới ảnh hưởng đến Việt Nam, trong đó có 5 cơn đổ bộ hoặc ảnh hưởng trực tiếp đến đất liền nước ta.

## **2. Tác động của BĐKH đến hệ thống cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng**

### **2.1. Tác động của BĐKH đến sức khỏe con người**

- Nhiệt độ không khí tăng trong các đợt nắng nóng kéo dài gây ra làm gia tăng một số nguy cơ đối với những người mắc bệnh tim mạch, bệnh thần kinh.

- Di dân do nước biển dâng ảnh hưởng đến sức khỏe, rối loạn tâm thần và phát sinh các bệnh truyền nhiễm.

- Sự thay đổi lượng mưa ảnh hưởng đến việc cung cấp nước ngọt
- Lũ lụt: gây chết đuối, chấn thương, ô nhiễm môi trường, nguồn nước, tăng nguy cơ các bệnh từ nước, ảnh hưởng đến các dịch vụ chăm sóc người có công.
- Không khí lạnh khắc nghiệt có thể gây ra các nguy cơ cấp tính như cước chân tay, giảm thân nhiệt hoặc tăng nguy cơ phát các bệnh mạn tính liên quan đến đường hô hấp và một số bệnh khác.
- Tác động gián tiếp của BĐKH đến sức khỏe thông qua những nguồn gây bệnh, làm tăng khả năng bùng phát và lan truyền các bệnh dịch. Ngoài ra BĐKH làm thay đổi môi trường dẫn đến đói nghèo, gia tăng các loại bệnh tật liên quan đến an toàn thực phẩm... Các loại hình thiên tai gây tử vong, chấn thương, ô nhiễm nguồn nước, gây ra các bệnh như hen suyễn cấp tính, phát ban và từng đám trên da, bùng phát bệnh viêm dạ dày ruột và nhiễm trùng đường hô hấp...

## ***2.2. Tác động của thiên tai, BĐKH đến hệ thống cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng***

### *a) Xác định các hiểm họa thiên tai liên quan đến BĐKH ở các vùng KT-XH:*

- Khu vực trung du và miền núi phía Bắc: lũ quét, sạt lở, sương muối, mưa đá, rét đậm, rét hại; một số vùng thuộc trung du còn bị ảnh hưởng của ngập lụt.
- Khu vực đồng bằng sông Hồng: bão, ATNĐ, ngập lụt, rét đậm, rét hại.
- Khu vực Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung: Bão, ATNĐ, lũ lụt ở vùng đồng bằng ven biển; sạt lở và lũ quét tại các vùng núi cao; hạn hán ở khu vực phía Nam (Ninh Thuận, Bình Thuận); nắng nóng và rét đậm, rét hại ở vùng phía Bắc (Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh).
- Khu vực Tây Nguyên: hạn hán, lũ quét, sạt lở ở vùng núi cao, nắng nóng.
- Đông Nam Bộ: Nắng nóng.
- Tây Nam Bộ: Nắng nóng, hạn hán.

Do tác động động của BĐKH, các loại hình thiên tai càng khắc nghiệt hơn. Để đánh giá xu thế của một số loại hình thiên tai như lũ quét, sạt lở thông qua các chỉ số lượng mưa cực trị (lượng mưa ngày lớn nhất TB, lượng mưa 5 ngày lớn nhất TB).

### *b) Tình trạng dễ bị tổn thương bởi các thiên tai liên quan đến biến đổi khí hậu của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng*

- Đối với các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng ở những vùng như trung du và miền núi phía Bắc, vùng Tây Nguyên, khu vực núi

cao ở các vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung chưa được kiên cố, dễ bị tổn thương đối với các loại hình thiên tai như lũ quét, bão, lũ lụt.

- Đối với các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng nằm ở các khu vực đồng bằng, đông dân cư được xây dựng kiên cố, trang bị cơ sở vật chất tương đối đầy đủ do vậy mức độ tổn thương do các loại hình thiên tai gây nên thường chỉ ở mức trung bình.

- Đối với các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng ở một số khu vực ven biển phía Bắc vùng BTB và duyên hải MT nơi có tần suất xuất hiện cũng như cường độ của bão lũ ở mức cao thì mức độ bị tổn thương cao.

Ngoài ra, khi quy hoạch hệ thống cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng cần lưu ý đến tác động của các yếu tố BĐKH và thiên tai:

- Sự gia tăng nhiệt độ: Ảnh hưởng tới kết cấu các công trình của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng, tăng kinh phí duy tu, bảo dưỡng. Tiêu thụ năng lượng tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng gia tăng để đảm bảo duy trì nhiệt độ bảo quản các thiết bị y tế, đặc biệt là thuốc, hóa chất...

- Sự gia tăng lượng mưa theo kịch bản BĐKH gây tác động đến các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng như ngập úng cục bộ ở các cơ sở y tế ở những khu vực trũng, thấp do tắc các hệ thống thoát nước.

- Bão, lũ: tác động đến các công trình cũng như các trang thiết bị của các cơ sở y tế: phá hủy công trình, ngập úng, ô nhiễm môi trường ở cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng.

- Hạn hán: ảnh hưởng đến nguồn nước phục vụ cho các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng.

- Nắng nóng: giảm tuổi thọ công trình, ô nhiễm môi trường ở cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng tăng tiêu thụ năng lượng tại các cơ sở y tế.

Theo kịch bản BĐKH, nếu nước biển dâng 100 cm sẽ có khoảng 16,8% diện tích đồng bằng sông Hồng, khoảng 1,47% diện tích đất các tỉnh ven biển miền Trung từ Thanh Hóa đến Bình Thuận có nguy cơ bị ngập. Cao nhất là ĐBSCL có nguy cơ ngập 38,9% diện tích như vậy toàn bộ các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng được xây dựng trên các diện tích này sẽ bị phá hủy hoặc không có giá trị sử dụng.

## **II. DỰ BÁO XU THẾ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TÁC NUÔI DƯỠNG, ĐIỀU DƯỠNG NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG**

### **1. Sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam trong thời gian tới**

Trong Báo cáo Việt Nam 2035 đã xác định 3 trụ cột phát triển với 6 chuyển đổi lớn, phác thảo các chiến lược phát triển thích hợp với xuất phát điểm của một nước thu nhập trung bình thấp trong bối cảnh thế giới đầy biến động, nhằm đưa Việt Nam trở thành nước thu nhập cao hoặc cận trên của thu nhập trung bình cao đến năm 2035.

Ba trụ cột chính gồm: (1) Thịnh vượng về kinh tế đi đôi với bền vững về môi trường; (2) Thúc đẩy công bằng và hòa nhập xã hội; (3) Tăng cường năng lực và trách nhiệm giải trình của nhà nước.

Sáu chuyển đổi lớn gồm: (1) Hiện đại hóa nền kinh tế đồng thời với nâng cao năng lực cạnh tranh của khu vực kinh tế tư nhân; (2) Phát triển năng lực đổi mới sáng tạo, lấy khu vực kinh tế tư nhân làm trung tâm; (3) Nâng cao hiệu quả của quá trình đô thị hóa, tăng cường kết nối giữa các thành phố và vùng phụ cận; (4) Phát triển bền vững về môi trường và tăng cường khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu; (5) Đảm bảo công bằng và hòa nhập xã hội cho các nhóm yếu thế cùng với sự phát triển của xã hội trung lưu; (6) Xây dựng một Nhà nước pháp quyền hiện đại với nền kinh tế thị trường đầy đủ, hội nhập và xã hội dân chủ phát triển ở trình độ cao.

Các mục tiêu cụ thể hướng tới những dấu mốc phát triển quan trọng của đất nước ta:

- Đến năm 2025: Là nước đang phát triển có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp.

- Đến năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng: Là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao.

- Đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập Nước: Trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

### **2. Dự báo phát triển công tác nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng**

Đảng, Nhà nước và nhân dân ta luôn quan tâm, chăm lo, thực hiện đền ơn đáp nghĩa đối với người, gia đình có công với cách mạng. Đối tượng người có công ngày một mở rộng, chế độ ưu đãi ngày một nâng cao gắn liền với sự đảm bảo công bằng và sự đồng thuận của toàn xã hội. Công tác điều dưỡng người có

công là rất thiết thực, mỗi đợt đi điều dưỡng, ngoài việc nâng cao sức khỏe còn là dịp để ôn lại truyền thống đấu tranh cách mạng vẻ vang của dân tộc, từ đó đối tượng có điều kiện được giao lưu, gặp gỡ đồng đội, thăm chiến trường xưa, được tham quan các danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử, các căn cứ kháng chiến cũ ... Nhờ đó, sức khỏe và tinh thần của các đối tượng người có công được nâng lên rõ rệt, từ đó giúp họ tiếp tục sống vui, sống khỏe, tiếp lửa cho thế hệ trẻ tiếp tục sự nghiệp cách mạng của Đảng.

Hiện nay có nhiều địa phương đã làm tốt công tác điều dưỡng, chăm sóc sức khỏe người có công. Trong thời gian tới, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sẽ dành một nguồn kinh phí lớn để đầu tư xây dựng, mở rộng các trung tâm điều dưỡng. Tuy nhiên, các địa phương cũng cần phải chủ động trong việc huy động thêm nguồn hỗ trợ kinh phí của tỉnh/thành phố.

Việc đầu tư xây dựng phải chú trọng đến các vấn đề về cơ sở vật chất và đội ngũ cán bộ, phù hợp về địa điểm, tạo sự liên kết giữa các tỉnh. Hướng tới cần chuyển một số trung tâm chỉnh hình sang bệnh viện và hiện đang triển khai ở hai tỉnh Bình Định và Cần Thơ, tạo ra một hệ thống liên hoàn điều dưỡng sức khỏe cho người có công.

Theo thống kê, cả nước có gần 1,4 triệu người đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng và khoảng hơn 1 triệu người hưởng chế độ điều dưỡng với hai phương thức là điều dưỡng tại gia đình hoặc điều dưỡng tập trung tùy vào khả năng kinh phí, tình trạng sức khỏe của đối tượng.

Phát triển thêm trung tâm làm nhiệm vụ điều dưỡng bảo đảm phân bố theo vùng, miền, tại nơi có danh lam thắng cảnh, điều kiện khí hậu thuận lợi đáp ứng yêu cầu điều dưỡng tập trung với cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại, tiện nghi, chế độ ăn uống đủ dinh dưỡng, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, đội ngũ cán bộ làm công tác điều dưỡng có trình độ chuyên môn cao... nhằm đạt mục tiêu thực hiện điều dưỡng tập trung cho khoảng 30% tổng số đối tượng hưởng chế độ điều dưỡng trên cả nước.

Khuyến khích các địa phương cần có chính sách rút ngắn thời gian điều dưỡng luân phiên xuống còn 1 năm một lần bằng nguồn ngân sách địa phương hỗ trợ, tạo điều kiện cho những người có công tuổi cao sức yếu có cơ hội thụ hưởng các chính sách ưu đãi của Nhà nước. Các tỉnh/thành phố cần trích ngân sách hỗ trợ cho các đối tượng đi điều dưỡng tại các trung tâm để hỗ trợ tiền sửa chữa nhà, điện, nước, và tiền xăng dầu đưa đón.

Cần tổ chức tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, của các tỉnh/thành phố về công tác nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách

mạng trên các phương tiện thông tin đại chúng, phổ biến rộng rãi chế độ, hình thức và chỉ tiêu điều dưỡng cụ thể cho các xã, phường, thị trấn và người có công trên địa bàn, đảm bảo người có công nhận được đầy đủ thông tin về chính sách điều dưỡng, cơ sở điều dưỡng, tiêu chuẩn điều dưỡng và thụ hưởng đúng, đủ chính sách ưu đãi theo quy định.

Cùng với việc xem xét công nhận người có công với cách mạng, hệ thống cơ sở sự nghiệp nuôi dưỡng, điều dưỡng thương binh, liệt sĩ và người có công với cách mạng thường cần được nâng cấp, xây dựng và thành lập mới để đáp ứng yêu cầu nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng.

Đẩy mạnh phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”, “Xã, phường làm tốt công tác thương binh, liệt sĩ, người có công” với nhiều hình thức phong phú, thiết thực, huy động mọi nguồn lực trong xã hội, cộng đồng cùng nhà nước chăm sóc ngày càng tốt hơn đời sống vật chất, tinh thần của người và gia đình người có công với cách mạng.

Khắc phục những tồn tại, khó khăn và bất cập trong việc thực hiện chính sách ưu đãi đối với người có công; sự phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương cần chặt chẽ hơn nữa; công tác kiểm tra, thanh tra phải bao phủ kịp thời, chấm dứt tình trạng giả mạo hồ sơ, trục lợi chính sách...

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cần tiếp tục tập trung, nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với công tác người có công với cách mạng. Phần đầu trong giai đoạn 2021-2025 có 100% gia đình người có công có mức sống cao hơn mức sống trung bình của nhân dân nơi cư trú; không còn hộ người có công thuộc diện hộ nghèo.

Trong thời gian tới, công tác nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng cần tập trung vào các nhiệm vụ sau đây:

- Hoàn thiện thể chế về ưu đãi người có công với cách mạng nhằm bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, khả thi của văn bản quy phạm pháp luật. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chính sách pháp luật và nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật về người có công.

- Tập trung rà soát, giải quyết hồ sơ còn tồn đọng sau chiến tranh, phần đầu trong giai đoạn 2021-2025 giải quyết căn bản hồ sơ đề nghị xác nhận người có công với cách mạng còn tồn đọng.

- Phát triển hệ thống cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công đồng bộ, hiện đại phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, khả năng đầu tư của ngân sách nhà nước và huy động các nguồn lực xã hội; đảm bảo người

có công được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ chăm sóc toàn diện, hướng tới mục tiêu phát triển xã hội công bằng và hiệu quả.

### **III. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CÔNG TÁC CHĂM SÓC NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG GIAI ĐOẠN TỚI**

- Đa số các Trung tâm điều dưỡng hiện nay, bao gồm cả các Trung tâm do Bộ làm chủ quản và các Trung tâm do địa phương đang quản lý đều đã xuống cấp, một số đơn vị được đặt tại các thành phố lớn và là trung tâm du lịch đã trở nên quá tải, số giường hiện có không đủ đáp ứng yêu cầu điều dưỡng về số lượng đối tượng cho các tỉnh thành.

- Số lượng các Trung tâm điều dưỡng không ít, nhưng phân bố không đồng đều dẫn đến mất cân đối giữa các vùng miền và khu vực, điều này làm tăng chi ngân sách trong công tác phục vụ và chi trả cho các dịch vụ kèm theo, do công tác quy hoạch chưa tốt nên có những Trung tâm hiện nay mặc dù mới được thành lập, xây mới nhưng rất ít đối tượng đến điều dưỡng.

- Ở một số địa phương, cách thức tổ chức thực hiện việc lựa chọn đối tượng còn nhiều hạn chế. Trong khi đó, đối với đối tượng điều dưỡng tại nhà chỉ nhận được 50% số tiền điều dưỡng so với điều dưỡng tập trung là quá ít, gây tâm lý so bì giữa các đối tượng cùng thụ hưởng chính sách với nhau.

- Hiện nay, do nhu cầu điều dưỡng của các đối tượng ngày càng tăng, rất nhiều tỉnh, thành đang đề nghị được xây dựng mới Trung tâm điều dưỡng tại địa phương mình, trong khi nhiều Trung tâm điều dưỡng hiện có đã xuống cấp, cần kinh phí để cải tạo, nâng cấp, sửa chữa. Việc bố trí kinh phí cho việc xây mới các Trung tâm điều dưỡng là rất khó khăn.

- Về tổng thể, hiện nay hầu hết các Trung tâm điều dưỡng đang hoạt động một cách manh mún, chưa có sự thống nhất về tổ chức bộ máy và quy chế hoạt động chung cho cả hệ thống. Nhiều Trung tâm hoặc không đủ số lượng biên chế để hoạt động hoặc không dám mạnh dạn thực hiện các dịch vụ kèm theo để đáp ứng yêu cầu của đối tượng và đảm bảo chi thường xuyên cho hoạt động của Trung tâm mình.

## **PHẦN V**

### **PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG CƠ SỞ NUÔI DƯỠNG NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG TRONG THỜI KỲ 2021-2030 VÀ 2031-2050**

#### **I. QUAN ĐIỂM**

1. Quy hoạch hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng được lập nhằm cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước về đảm bảo ưu đãi người có công với cách mạng; phù hợp, thống nhất với các định hướng Chiến lược phát triển đất nước thời kỳ 2021 - 2030, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 – 2025 và các giai đoạn tiếp theo; phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia và các quy hoạch ngành quốc gia khác có liên quan.

2. Quy hoạch hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng phù hợp theo đặc điểm từng vùng lãnh thổ, cơ cấu dân số và số lượng người có công với cách mạng được thụ hưởng dịch vụ; tạo điều kiện thuận lợi cho người có công với cách mạng tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công.

3. Quy hoạch hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng phải bảo đảm phù hợp với khả năng đầu tư của nhà nước và khả năng huy động nguồn lực xã hội, cộng đồng, người dân để phát triển công tác chăm sóc người có công với cách mạng, góp phần thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, nâng cao mức sống vật chất, tinh thần của người có công với cách mạng, khẳng định truyền thống “uống nước nhớ nguồn”, công lao của các thế hệ người có công với cách mạng.

4. Quy hoạch hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng phải bảo đảm tính kế thừa, tính khoa học, thực tiễn; phù hợp với yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế.

5. Quy hoạch hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 là quy hoạch mở, linh hoạt; tùy thuộc vào tình hình, nhu cầu thực tế của các vùng, địa phương để xác định số lượng, quy mô của hệ thống các cơ sở trên từng địa bàn cho phù hợp, đáp ứng tốt nhất nhu cầu của đối tượng.

6. Quy hoạch hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng thời kỳ 2021-2030 đảm bảo phù hợp và hiệu quả trong phân công xây dựng, quản lý các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng giữa các địa phương và vùng lãnh thổ, giữa trung ương và địa phương.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu chung**

a) Quy hoạch được lập nhằm hình thành hệ thống cơ sở có đủ quy mô, năng lực đáp ứng yêu cầu nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công; đảm bảo người có công được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ chăm sóc toàn diện cả về thể chất và tinh thần.

b) Là công cụ hiệu quả, hiệu lực của nhà nước để phục vụ việc hoạch định chính sách phát triển lĩnh vực chăm sóc người có công; tổ chức không gian, quản lý hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng của ngành.

c) Là cơ sở để đưa ra lộ trình và triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn trên địa bàn cả nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước về ưu đãi người có công, bảo đảm tính khách quan, khoa học, minh bạch và hiệu quả.

### **2. Mục tiêu cụ thể**

a) Nâng cao chất lượng dịch vụ nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công, bảo đảm người có công được chăm lo toàn diện cả về thể chất và tinh thần.

b) Bảo đảm cơ sở vật chất thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng nhằm tăng tỷ lệ người có công được thụ hưởng dịch vụ điều dưỡng người có công.

c) Phát triển hệ thống cơ sở thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng người có công với cách mạng đạt tiêu chuẩn khách sạn 3 sao và thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng người có công với cách mạng đạt tiêu chuẩn bệnh viện tuyến huyện để nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng người có công với cách mạng.

d) Thường xuyên tổ chức tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ của người làm việc tại cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng. Hình thành đội ngũ người lao động có trình độ, đạo đức phù hợp với vị trí việc làm được phê duyệt, có chính sách thu hút nhân tài, thu hút người lao động có chuyên môn, nghiệp vụ giỏi vào làm việc trong các cơ sở nuôi dưỡng điều dưỡng.

## **III. NGUYÊN TẮC LẬP QUY HOẠCH**

- Bảo đảm sự tuân thủ, bám sát các quy trình, nội dung, nguyên tắc theo Luật quy hoạch, Nghị định, Thông tư hướng dẫn thực hiện Luật Quy hoạch.

- Bảo đảm tính tổng thể, đồng bộ giữa quy hoạch ngành với quy hoạch vùng, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Bảo đảm tính khách quan, liên tục và ổn định, đáp ứng các nhu cầu trong

giai đoạn 2021 – 2025; 2026 – 2030 và tạo nền tảng phát triển cho các giai đoạn tiếp theo, phù hợp với tầm nhìn đến năm 2050.

- Bảo đảm tính kế thừa, phát triển các quy hoạch trước đây và các chương trình, đề án phát triển ngành, lĩnh vực có liên quan.

- Bảo đảm tính khả thi trong triển khai, nhất là về nguồn lực để thực hiện quy hoạch sau khi được phê duyệt; đáp ứng yêu cầu của giai đoạn 2021 – 2030 và tạo nền tảng phát triển cho các giai đoạn tiếp theo, phù hợp với tầm nhìn đến năm 2050.

- Bảo đảm phù hợp với quy hoạch các ngành khác có liên quan tới bảo hộ, chăm sóc đối tượng xã hội nói chung.

- Bảo đảm công khai, minh bạch và có sự giám sát của người dân, cộng đồng trong quá trình xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch sau khi được phê duyệt.

## **IV. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN**

### **1. Phương án 1**

#### ***1.1. Mục tiêu cụ thể***

##### ***Giai đoạn 2021-2025:***

a) Tăng tỷ lệ người có công cả nước được đi điều dưỡng tập trung đạt 30% tổng số người có công được hưởng chế độ điều dưỡng, tỷ lệ người có công ở vùng Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và vùng Đồng bằng Sông Cửu Long đạt 20% tổng số người có công của từng vùng được hưởng chế độ điều dưỡng.

b) Đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ nuôi dưỡng tối đa 70% tổng số đối tượng được hưởng chế độ nuôi dưỡng.

c) Hình thành hệ thống cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với 71 cơ sở được đầu tư đồng bộ về cơ sở vật chất, trang thiết bị với đội ngũ người làm việc có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đạo đức phù hợp với vị trí việc làm:

- Phát triển mới 08 cơ sở thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng người có công. với quy mô 660 giường tại 3 vùng: Miền núi phía Bắc (01 cơ sở), Tây Nguyên (01 cơ sở), Đồng bằng Sông Cửu Long (06 cơ sở).

- Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp một số cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công bị hư hỏng, xuống cấp.

d) Rà soát, sắp xếp, sáp nhập, chuyển đổi mô hình hoạt động các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công.

### ***Giai đoạn 2026-2030:***

- a) Tăng tỷ lệ người có công được đi điều dưỡng tập trung đạt 40% tổng số người có công được hưởng chế độ điều dưỡng.
- b) Đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ nuôi dưỡng tối đa 100% tổng số đối tượng được hưởng chế độ nuôi dưỡng.
- c) Phát triển thêm 01 cơ sở điều dưỡng người có công ở vùng đồng bằng Sông Cửu Long với quy mô 80 giường.
- d) Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp một số cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công bị hư hỏng, xuống cấp.
- đ) Rà soát, sắp xếp, sáp nhập, chuyển đổi mô hình hoạt động các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công.

### ***Giai đoạn 2031-2050:***

- a) Tăng tỷ lệ người có công được đi điều dưỡng tập trung đạt 60% tổng số người có công được hưởng chế độ điều dưỡng.
- b) Đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ nuôi dưỡng tối đa 100% tổng số đối tượng được hưởng chế độ nuôi dưỡng.
- c) Không phát triển mới hệ thống cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng.
- d) Rà soát, sắp xếp, sáp nhập, chuyển đổi mô hình hoạt động các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công.
- đ) Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công bị hư hỏng, xuống cấp.

## ***1.2. Định hướng quy hoạch hệ thống cơ sở nuôi dưỡng điều dưỡng người có công với cách mạng***

Trong giai đoạn quy hoạch 2021-2030 và tầm nhìn đến 2050, định hướng quy hoạch nâng cấp và xây mới các cơ sở nuôi dưỡng điều dưỡng người có công với cách mạng trên địa bàn cả nước như sau:

**Bảng 1. Dự báo số lượng trung tâm cần nâng cấp và phát triển mới để phục vụ các đối tượng NCC (Theo phương án 1)**

Hạng mục	2021-2025		2026-2030		Tầm nhìn đến năm 2050	
	Nâng cấp	Phát triển mới	Nâng cấp	Phát triển mới	Nâng cấp	Phát triển mới

<b>Cả nước</b>	<b>6</b>	<b>8</b>	<b>8</b>	<b>1</b>	<b>72</b>	<b>0</b>
1. Phục vụ điều dưỡng người có công	4	8	3	1	59	0
2. Phục vụ nuôi dưỡng người có công	2	0	5	0	60	0
<b>I. Vùng Trung du miền núi phía Bắc</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>15</b>	<b>0</b>
1. Phục vụ điều dưỡng người có công	0	1	0	0	14	0
2. Phục vụ nuôi dưỡng người có công	0	0	0	0	14	0
<b>II. Vùng Đồng bằng sông Hồng</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	<b>19</b>	<b>0</b>
1. Phục vụ điều dưỡng người có công	1	0	0	0	13	0
2. Phục vụ nuôi dưỡng người có công	1	0	4	0	17	0
<b>III. Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Miền Trung</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>19</b>	<b>0</b>
1. Phục vụ điều dưỡng người có công	3	0	3	0	14	0
2. Phục vụ nuôi dưỡng người có công	1	0	0	0	14	0
<b>V. Vùng Tây Nguyên</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>4</b>	<b>0</b>
1. Phục vụ điều dưỡng người có công	0	1	0	0	4	0
2. Phục vụ nuôi dưỡng người có công	0	0	0	0	2	0
<b>IV. Vùng Đông Nam Bộ</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>5</b>	<b>0</b>
1. Phục vụ điều dưỡng người có công	0	0	0	0	4	0
2. Phục vụ nuôi dưỡng người có công	0	0	1	0	3	0
<b>VI. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long</b>	<b>0</b>	<b>6</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>10</b>	<b>0</b>
1. Phục vụ điều dưỡng người có công	0	6	0	1	10	0
2. Phục vụ nuôi dưỡng người có công	0	0	0	0	10	0

*Nguồn: Tính toán của các chuyên gia*

**Bảng 2. Dự báo số lượng trung tâm đến năm 2025; 2030 và 2050**  
(Theo phương án 1)

Hạng mục	2025	2030	2050
Tổng số	71 cơ sở	72 cơ sở	72 cơ sở
1. Nhiệm vụ điều dưỡng người có công	58/71 cơ sở	59/72 cơ sở	59/72 cơ sở
2. Nhiệm vụ nuôi dưỡng người có công	59/71 cơ sở	59/72 cơ sở	59/72 cơ sở

*Nguồn: Tính toán của các chuyên gia*

## **2. Phương án 2**

### **2.1. Mục tiêu cụ thể**

#### ***Giai đoạn 2021-2025:***

a) Tăng tỷ lệ người có công cả nước được đi điều dưỡng tập trung đạt 30% tổng số người có công được hưởng chế độ điều dưỡng, tỷ lệ người có công ở vùng Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và vùng Đồng bằng Sông Cửu Long đạt 20% tổng số người có công của từng vùng được hưởng chế độ điều dưỡng.

b) Đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ nuôi dưỡng tối đa 70% tổng số đối tượng được hưởng chế độ nuôi dưỡng.

c) Hình thành hệ thống cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với 71 cơ sở được đầu tư đồng bộ về cơ sở vật chất, trang thiết bị với đội ngũ người làm việc có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đạo đức phù hợp với vị trí việc làm:

- Phát triển mới 08 cơ sở thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng người có công. với quy mô 660 giường tại 3 vùng: Miền núi phía Bắc (01 cơ sở), Tây Nguyên (01 cơ sở), Đồng bằng Sông Cửu Long (06 cơ sở).

- Hình thành một số trung tâm mang tính chất vùng để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng người có công theo quy định hiện hành.

- Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp một số cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công bị hư hỏng, xuống cấp.

d) Rà soát, sắp xếp, sáp nhập, chuyển đổi mô hình hoạt động các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công.

#### ***Giai đoạn 2026-2030:***

a) Tăng tỷ lệ người có công được đi điều dưỡng tập trung đạt 40% tổng số người có công được hưởng chế độ điều dưỡng.

b) Đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ nuôi dưỡng tối đa 100% tổng số đối tượng được hưởng chế độ nuôi dưỡng.

c) Phát triển thêm 01 cơ sở điều dưỡng người có công ở vùng đồng bằng Sông Cửu Long với quy mô 80 giường.

d) Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp một số cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công bị hư hỏng, xuống cấp.

đ) Rà soát, sắp xếp, sáp nhập, chuyển đổi mô hình hoạt động các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công.

#### ***Giai đoạn 2031-2050:***

a) Tăng tỷ lệ người có công được đi điều dưỡng tập trung đạt 60% tổng số người có công được hưởng chế độ điều dưỡng.

b) Đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ nuôi dưỡng tối đa 100% tổng số đối tượng được hưởng chế độ nuôi dưỡng.

c) Không phát triển mới hệ thống cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng.

d) Rà soát, sắp xếp, sáp nhập, chuyển đổi mô hình hoạt động các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công.

đ) Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công bị hư hỏng, xuống cấp.

### ***2.2. Định hướng quy hoạch hệ thống cơ sở nuôi dưỡng điều dưỡng người có công với cách mạng***

**Bảng 3. Tổng hợp Quy hoạch nâng cấp và xây mới các cơ sở nuôi dưỡng điều dưỡng người có công với cách mạng trên địa bàn cả nước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (theo phương án 2)**

*Đơn vị tính: Cơ sở*

Hạng mục	2025	2030	2050
Tổng số	71 cơ sở	72 cơ sở	72 cơ sở
1. Nhiệm vụ điều dưỡng người có công	58/71 cơ sở	59/72 cơ sở	59/72 cơ sở
2. Nhiệm vụ nuôi dưỡng người có công	32/71 cơ sở	32/72 cơ sở	32/72 cơ sở

*Nguồn: Tổng hợp của các chuyên gia, 2021*

### **3. Lựa chọn phương án phát triển**

Với phương án 1, giữ mô hình điều dưỡng ở 10 cơ sở: Quảng Ninh, Hà Nội (01 cơ sở), Ninh Bình, Thanh Hóa (02 cơ sở), Nghệ An, Quảng Bình, Đà Nẵng (01 cơ sở), Lâm Đồng, Bà Rịa – Vũng Tàu (01 cơ sở); điều chỉnh mô hình hoạt động của 22 cơ sở ở mô hình điều dưỡng sang mô hình nuôi dưỡng, điều dưỡng để bảo đảm thực hiện linh hoạt khi nhà nước có quy định mới về chính sách nuôi

dưỡng người có công. Phương án này giúp sử dụng hiệu quả một số cơ sở vật chất phục vụ điều dưỡng ở nơi không có danh lam thắng cảnh, điều kiện tự nhiên đáp ứng nguyện vọng đến điều dưỡng của đối tượng, nơi có công suất điều dưỡng hằng năm chưa cao và đội ngũ viên chức, người lao động của các cơ sở. Bên cạnh đó, phương án này giúp việc điều tiết đối tượng vào nuôi dưỡng được linh hoạt, chủ động hơn.

Với phương án 2, đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp các cơ sở do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quản lý và một số cơ sở ở các địa phương trong đó có điều chỉnh mô hình hoạt động của 01 cơ sở ở vùng Tây Nguyên nhằm hình thành các cơ sở thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng mang tính chất vùng. Việc tiếp nhận đối tượng vào nuôi dưỡng theo nguyên tắc: địa phương có cơ sở thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng thì tiếp nhận đối tượng do địa phương quản lý, các cơ sở do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quản lý và một số địa phương quản lý mang tính chất vùng sẽ tiếp nhận đối tượng của các địa phương còn lại. Theo quy định hiện hành, ngân sách địa phương bảo đảm chi thường xuyên của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do địa phương quản lý. Phương án này dễ gây lúng túng trong điều tiết đối tượng vào nuôi dưỡng, các địa phương không linh hoạt và chủ động trong việc tiếp nhận đối tượng.

Vì vậy phương án 1 là phương án được chọn trong Quy hoạch mạng lưới các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

## **V. NỘI DUNG QUY HOẠCH**

### **V.1. Một số căn cứ**

- Người có công với cách mạng đa số ở độ tuổi cao, sức khỏe yếu (người tham gia chống Pháp cũng đã trên 65 năm, tuổi đời trên 80 tuổi, tham gia chống Mỹ cũng trên 45 năm) tuổi đời gần 70 tuổi. Họ cần phải được hưởng chế độ điều dưỡng hằng năm với chất lượng dịch vụ đạt tiêu chuẩn 3 sao ở các Trung tâm.

- Thời điểm 10 năm 2021-2030 là “Thời gian vàng” để Đảng, Nhà nước, nhân dân ta thực thi đền ơn đáp nghĩa đối với người và gia đình có công với cách mạng. 10 năm sau nữa số lượng họ giảm đi rất nhiều, khi tuổi đời có hạn, thương tật, bệnh tật làm cho sức khỏe nhanh giảm sút...

- Tỷ lệ chết thô tại Việt Nam qua các năm gần đây là 6,5‰/năm (0,65%/năm). Đối với các đối tượng người có công với cách mạng sức khỏe yếu hơn người bình thường nên tỷ lệ chết sẽ cao hơn. Như vậy trong giai đoạn 2021-2025, trong 5 năm số lượng người có công được chăm sóc nuôi dưỡng, điều dưỡng giảm 5%; giai đoạn 2026-2030 giảm 10% và đến giai đoạn 2031-2050 sẽ

giảm 40%.

- Số lượng người có công được công nhận mới trong thời kỳ đổi mới hiện nay vẫn phát sinh hàng năm do những người bị thương tật và hy sinh khi đang cứu hộ lũ lụt, tham gia truy bắt tội phạm, các chiến sĩ hy sinh khi đang làm nhiệm vụ... Tuy nhiên số này không nhiều.

- Dự báo chế độ điều dưỡng sau năm 2030 có nhiều thay đổi: 100% đối tượng được hưởng chế độ điều dưỡng hằng năm, bổ sung thêm đối tượng hưởng chế độ. Vì vậy, đối tượng đang hưởng chế độ sẽ giảm dần do già hoá nhưng tăng thêm đối tượng vào hưởng chế độ.

Dự báo số lượng người được nuôi dưỡng sẽ tăng lên do bổ sung đối tượng thương binh, bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên sống cô đơn không nơi nương tựa. Số lượng người có công được nuôi dưỡng tăng lên nhưng không làm tăng thêm cơ sở nuôi dưỡng do sẽ bổ sung thêm nhiệm vụ nuôi dưỡng đối với các cơ sở điều dưỡng hoạt động chưa hết công suất, có vị trí không thuận lợi cho công tác điều dưỡng.

## **V.2. Nội dung cụ thể**

***\* Tiêu chí phát triển mạng lưới các trung tâm nuôi dưỡng, điều dưỡng thương binh và người có công giai đoạn 2021-2025; 2026-2030 và 2031-2050***

+ Trên cơ sở rà soát, đánh giá tình hình thực hiện Quy hoạch các Trung tâm điều dưỡng người có công đã được phê duyệt giai đoạn đến năm 2020 để xây dựng danh mục các dự án cần tiếp tục đầu tư trong giai đoạn tới và sau khi rà soát lại tính khả thi, mức độ, nhu cầu cũng như tương quan quy hoạch ở các khu vực để điều chỉnh giảm danh mục các trung tâm không còn phù hợp.

+ Trên cơ sở đánh giá hệ thống các cơ sở nuôi dưỡng điều dưỡng người có công hiện có để phát triển thêm cơ sở mới đảm bảo phân bố đồng đều giữa các vùng, tại nơi có danh lam thắng cảnh, điều kiện khí hậu thích hợp với công tác điều dưỡng.

+ Tập trung đầu tư cho các tỉnh có nhiều người có công được hưởng chế độ điều dưỡng, các tỉnh có điều kiện nghỉ dưỡng thuận lợi và các tỉnh có chức năng điều dưỡng cho khu vực để xây dựng danh mục các trung tâm điều dưỡng người có công.

+ Trên cơ sở đánh giá thực trạng cơ sở vật chất các trung tâm nuôi dưỡng, điều dưỡng thương binh và số lượng thương bệnh binh cần được chăm sóc để đề xuất nhu cầu đầu tư cải tạo, nâng cấp cho phù hợp.

+ Căn cứ số lượng người đang được nuôi dưỡng và số lượng người được

hưởng chế độ điều dưỡng.

+ Đảm bảo cơ sở vật chất thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng người có công tương đương khách sạn ba sao và thực hiện nuôi dưỡng người có công tương đương bệnh viện tuyến huyện.

**\* Định hướng quy hoạch hệ thống cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng qua các giai đoạn 2021-2025; 2026-2030 tầm nhìn đến năm 2050**

a) Đến năm 2025: Hình thành, phát triển 71 trung tâm nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng với 06 mô hình hoạt động. Trong đó: 38 trung tâm hoạt động với mô hình điều dưỡng người có công, 6 trung tâm hoạt động với mô hình nuôi dưỡng người có công, 27 trung tâm hoạt động với mô hình đa chức năng (đưa ra khỏi quy hoạch Trung tâm nuôi dưỡng người có công và bảo trợ xã hội tỉnh Bắc Ninh do không phù hợp để thực hiện công tác điều dưỡng, chuyển người có công đang nuôi dưỡng trong Trung tâm phục hồi chức năng tâm thần Ninh Bình sang Trung tâm điều dưỡng thương binh Nho Quan để đưa Trung tâm phục hồi chức năng tâm thần Ninh Bình ra khỏi quy hoạch, sáp nhập Khu điều dưỡng thương binh tâm thần kinh tỉnh Nghệ An và Trung tâm điều dưỡng thương binh tỉnh Nghệ An). Trong giai đoạn 2021-2025 phát triển mới 8 trung tâm làm nhiệm vụ điều dưỡng người có công với cách mạng.

b) Đến năm 2030: Hình thành, phát triển 72 trung tâm nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng. Trong đó: 39 trung tâm hoạt động với mô hình điều dưỡng người có công, 6 trung tâm hoạt động với mô hình nuôi dưỡng người có công, 27 trung tâm hoạt động với mô hình đa chức năng. Trong giai đoạn 2026-2030 phát triển thêm 01 trung tâm điều dưỡng người có công với cách mạng.

c) Đến năm 2050: Không phát triển mới các cơ sở nuôi dưỡng điều dưỡng người có công .. Mô hình hoạt động của các cơ sở được điều chỉnh phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quy mô và định hướng phát triển của Đảng và Nhà nước.

**\* Thực hiện sáp nhập, thay đổi nhiệm vụ nuôi dưỡng, điều dưỡng, bổ sung nhiệm vụ và đưa ra khỏi quy hoạch một số trung tâm**

- *Đưa ra khỏi quy hoạch:* Trung tâm nuôi dưỡng người có công và bảo trợ xã hội tỉnh Bắc Ninh; Trung tâm phục hồi chức năng tâm thần Ninh Bình.

- *Bổ sung nhiệm vụ:* Trung tâm điều dưỡng người có công Hà Nội: Bổ sung nhiệm vụ nuôi dưỡng; Trung tâm nuôi dưỡng và điều dưỡng người có công Hà Nội: Bổ sung nhiệm vụ nuôi dưỡng; Trung tâm điều dưỡng thương binh tỉnh Nghệ An: Không thực hiện điều dưỡng.

- *Sáp nhập:* Sáp nhập 2 trung tâm để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng Trung tâm điều dưỡng thương binh tỉnh Nghệ An và Khu điều dưỡng thương binh tâm thần

kinh Nghệ An.

- *Thay đổi cơ quan quản lý:* Trung tâm điều dưỡng người có công Lâm Đồng đưa về Trung ương quản lý.

**\* *Phát triển hệ thống cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng***

***a) Giai đoạn 2021-2025:***

- ***Phát triển mới 08 trung tâm (nhiệm vụ điều dưỡng người có công):*** (1) Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Tuyên Quang: 80 giường; (2) Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Gia Lai: 80 giường; (3) Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Đồng Tháp: 80 giường; (4) Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh An Giang: 80 giường; (5) Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Cà Mau: 100 giường; (6) Trung tâm điều dưỡng người có công thành phố Cần Thơ: 80 giường; (7) Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Bạc Liêu: 80 giường; (8) Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Sóc Trăng: 80 giường.

- ***Xây dựng, nâng cấp 06 trung tâm:*** (1) Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Hải Dương: 100 giường; (2) Trung tâm chăm sóc người có công tỉnh Quảng Ngãi: 80 giường; (3) Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Phú Yên: 80 giường; (4) Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Ninh Thuận: 30 giường; (5) Trung tâm nuôi dưỡng tâm thần người có công và xã hội tỉnh Hải Dương; (6) Trung tâm nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công tỉnh Quảng Nam.

***b) Giai đoạn 2026-2030:***

- ***Phát triển mới 01 trung tâm (nhiệm vụ điều dưỡng người có công):*** Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Trà Vinh: 80giường

- ***Xây dựng, nâng cấp 03 trung tâm:*** (1) Trung tâm chăm sóc người có công tỉnh Thanh Hóa: 80 giường; (2) Trung tâm điều dưỡng người có công Sầm Sơn: 80 giường; (2) Trung tâm điều dưỡng người có công với cách mạng tỉnh Nghệ An: 70 giường.

***c) Tầm nhìn đến năm 2050:*** Không phát triển thêm trung tâm, nâng cấp cơ sở vật chất phù hợp với thực trạng.

### V.3. NỘI DUNG QUY HOẠCH THEO VÙNG, MIỀN

**Bảng 4. Hệ thống các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

Trung tâm	Địa phương/cấp quản lý	Giai đoạn 2021-2025		Giai đoạn 2026-2030		Tầm nhìn đến năm 2050	
		Nâng cấp	Xây mới	Nâng cấp	Xây mới	Nâng cấp	Xây mới
<b>Tổng cộng</b>		<b>6</b>	<b>8</b>	<b>8</b>	<b>1</b>	<b>72</b>	<b>0</b>
<b>Vùng trung du miền núi phía Bắc</b>		<b>0</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>15</b>	<b>0</b>
Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Tuyên Quang	Tuyên Quang		1			1	
Trung tâm điều dưỡng người có công và chăm sóc sức khỏe cán bộ Cao Bằng	Cao Bằng					1	
Trung tâm điều dưỡng người có công Lạng Sơn	Lạng Sơn					1	
Trung tâm điều dưỡng người có công Thái Nguyên	Thái Nguyên					1	
Trung tâm nuôi dưỡng người có công Bắc Giang	Bắc Giang					1	
Trung tâm điều dưỡng thương binh Lạng Giang	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội					1	
Trung tâm điều dưỡng người có công Sapa	Lào Cai					1	
Trung tâm điều dưỡng người có công Yên Bái	Yên Bái					1	
Trung tâm điều dưỡng người có công Phú Thọ	Phú Thọ					1	
Trung tâm điều dưỡng người có công Quảng Ninh	Quảng Ninh					1	
Trung tâm Điều dưỡng người có công Bắc Kạn	Bắc Kạn					1	

Trung tâm Điều dưỡng người có công Sơn La	Sơn La					1	
Trung tâm đón tiếp thân nhân liệt sĩ và điều dưỡng người có công với cách mạng Điện Biên	Điện Biên					1	
Trung tâm đón tiếp thân nhân liệt sĩ và điều dưỡng người có công với cách mạng Lai Châu	Lai Châu					1	
Trung tâm điều dưỡng người có công Kim Bôi	Hòa Bình					1	
<b>Vùng đồng bằng Sông Hồng</b>		<b>2</b>	<b>0</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	<b>19</b>	<b>0</b>
Trung tâm điều dưỡng người có công Tam Đảo	Vĩnh Phúc					1	
Trung tâm điều dưỡng người có công số I Hà Nội	Hà Nội					1	
Trung tâm điều dưỡng người có công số III Hà Nội	Hà Nội					1	
Trung tâm nuôi dưỡng và điều dưỡng người có công Hà Nội	Hà Nội					1	
Trung tâm điều dưỡng người có công số II Hà Nội	Hà Nội					1	
Trung tâm nuôi dưỡng và điều dưỡng người có công số 2 Hà Nội	Hà Nội					1	
Trung tâm điều dưỡng người có công Hải Phòng	Hải Phòng					1	
Trung tâm điều dưỡng người có công Nam Định	Nam Định					1	
Trung tâm điều dưỡng thương binh nặng và người có công tỉnh Hà Nam	Hà Nam					1	
Trung tâm điều dưỡng thương binh Duy Tiên	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội			1		1	

Trung tâm điều dưỡng thương binh Kim Bảng	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội			1		1	
Trung tâm điều dưỡng người có công Hải Dương	Hải Dương	1				1	
Trung tâm nuôi dưỡng tâm thần người có công và xã hội tỉnh Hải Dương	Hải Dương	1				1	
Trung tâm điều dưỡng chăm sóc người có công Hưng Yên	Hưng Yên					1	
Trung tâm nuôi dưỡng điều dưỡng người có công Thái Bình	Thái Bình					1	
Trung tâm chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần	Thái Bình					1	
Trung tâm Điều dưỡng người có công Ninh Bình	Ninh Bình					1	
Trung tâm điều dưỡng thương binh Nho Quan	Ninh Bình			1		1	
Trung tâm điều dưỡng thương binh Thuận Thành	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội			1		1	
<b>Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Miền Trung</b>		<b>4</b>	<b>0</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>19</b>	<b>0</b>
Trung tâm chăm sóc sức khỏe người có công Thanh Hóa	Thanh Hóa			1		1	
Trung tâm điều dưỡng người có công Sầm Sơn	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội			1		1	
Trung tâm điều dưỡng người có công Thanh Hóa	Thanh Hóa					1	
Trung tâm điều dưỡng người có công với cách mạng	Nghệ An			1		1	

Trung tâm điều dưỡng thương binh tỉnh Nghệ An	Nghệ An					1	
Trung tâm điều dưỡng NCC và BTXH Hà Tĩnh	Hà Tĩnh					1	
Trung tâm điều dưỡng luân phiên người có công Quảng Bình	Quảng Bình					1	
Trung tâm BTXH tỉnh Quảng Bình	Quảng Bình					1	
Trung tâm điều dưỡng người có công và BTXH tỉnh Quảng Trị	Quảng Trị					1	
Trung tâm điều dưỡng, chăm sóc người có công Thừa Thiên - Huế	Thừa Thiên - Huế					1	
Trung tâm điều dưỡng người có công Miền Trung	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội					1	
Trung tâm Phục dưỡng người có công cách mạng TP Đà Nẵng	Đà Nẵng					1	
Trung tâm nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công Quảng Nam	Quảng Nam	1				1	
Trung tâm điều dưỡng người có công Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	1				1	
Trung tâm chăm sóc và điều dưỡng người có công Bình Định	Bình Định					1	
Trung tâm nuôi dưỡng người có công và BTXH	Phú Yên	1				1	
Trung tâm điều dưỡng và chăm sóc người có công tỉnh Khánh Hòa	Khánh Hòa					1	
Trung tâm công tác xã hội Ninh Thuận	Ninh Thuận	1				1	
Trung tâm bảo trợ xã hội tổng hợp Bình Thuận	Bình Thuận					1	
<b>Vùng Tây Nguyên</b>		<b>0</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>4</b>	<b>0</b>
Trung tâm điều dưỡng người có công	Gia Lai		1			1	

tỉnh Gia Lai							
Trung tâm điều dưỡng người có công Đắk Lắk	Đắk Lắk					1	
Trung tâm bảo trợ và công tác xã hội Kon Tum	Kon Tum					1	
Trung tâm điều dưỡng người có công Lâm Đồng	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội					1	
<b>Vùng Đông Nam Bộ</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>5</b>	<b>0</b>
Trung tâm Điều dưỡng người có công và phục hồi chức năng thành phố Hồ Chí Minh	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội					1	
Trung tâm dưỡng lão Thị Nghè	TP. Hồ Chí Minh					1	
Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Tây Ninh	Tây Ninh					1	
Trung tâm Điều dưỡng người có công Bà Rịa - Vũng Tàu	Bà Rịa - Vũng Tàu					1	
Trung tâm điều dưỡng thương binh và người có công Long Đất	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội			1		1	
<b>Vùng đồng bằng sông Cửu Long</b>		<b>0</b>	<b>6</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>10</b>	<b>0</b>
Trung tâm điều dưỡng người có công Bến Tre	Bến Tre					1	
Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Vĩnh Long	Vĩnh Long					1	
Trung tâm điều dưỡng người có công Kiên Giang	Kiên Giang					1	
Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Đồng Tháp	Đồng Tháp		1			1	
Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh An Giang	An Giang		1			1	

Trung tâm điều dưỡng người có công thành phố Cần Thơ	Cần Thơ		1			1	
Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Sóc Trăng	Sóc Trăng		1			1	
Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Bạc Liêu	Bạc Liêu		1			1	
Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Cà Mau	Cà Mau		1			1	
Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Trà Vinh	Trà Vinh			0	1	1	

#### **V.4. QUY HOẠCH ĐỘI NGŨ CÁN BỘ**

Đội ngũ nhân viên trong các Trung tâm nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng phải bảo đảm đủ về số lượng, trình độ chuyên môn đạt tiêu chuẩn phù hợp để thực hiện các nhiệm vụ của cơ sở: (1) Có sức khỏe để thực hiện trợ giúp xã hội đối tượng; (2) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; (3) Có phẩm chất đạo đức tốt, không mắc tệ nạn xã hội và không thuộc đối tượng bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án mà chưa được xóa án tích; (4) Có kỹ năng để chăm sóc điều dưỡng, nuôi dưỡng người có công với cách mạng.

Hướng tới cần tăng cường đội ngũ cán bộ y tế của các cơ sở điều dưỡng, nuôi dưỡng người có công với cách mạng, nhất là số bác sĩ, nhân viên vật lý trị liệu, nhân viên tư vấn. Cán bộ nhân viên trong các cơ sở cần đào tạo thêm cho họ những kỹ năng về chăm sóc người có công với cách mạng, nhất là người già, thương bệnh binh, người khuyết tật, điều trị người tâm thần, kỹ năng giao tiếp, tâm lý, tư vấn.

Đào tạo cho cán bộ, nhân viên làm công tác xã hội tại các cơ sở điều dưỡng, nuôi dưỡng người có công với cách mạng về công tác y tế, xã hội. Tăng số lượng cán bộ làm công tác xã hội cho đủ về số lượng, nhất là cán bộ, nhân viên làm việc trực tiếp với đối tượng; Nâng cao tính chuyên nghiệp của đội ngũ cán bộ, viên chức và nhân viên trong các cơ sở điều dưỡng, nuôi dưỡng người có công với cách mạng.

##### ***\* Giai đoạn 2021-2025***

Đến năm 2025 cần 2.000 cán bộ, nhân viên trong các cơ sở điều dưỡng, nuôi dưỡng người có công với cách mạng. Trong đó, chia theo trình độ: (1) Sau Đại học: 80 người; (2) Đại học: 550 người; (3) Cao đẳng: 600 người; (4) Trung, sơ cấp: 630 người; (5) Nhân viên làm công việc thông thường, chưa qua đào tạo: 140 người. Chia theo ngành nghề đào tạo: (1) Y/dược: 550 người; (2) Xã hội: 570 người; (3) Kinh tế: 580 người; (4) Ngành nghề khác: 300 người.

##### ***\* Giai đoạn 2026-2030***

Đến năm 2030 cần 2.300 cán bộ, nhân viên trong các cơ sở điều dưỡng, nuôi dưỡng người có công với cách mạng. Trong đó, chia theo trình độ: (1) Sau Đại học: 90 người; (2) Đại học: 630 người; (3) Cao đẳng: 700 người; (4) Trung, sơ cấp: 730 người; (5) Nhân viên làm công việc thông thường, chưa qua đào tạo: 150 người. Chia theo ngành nghề đào tạo: (1) Y/dược: 630 người; (2) Xã hội: 650 người; (3) Kinh tế: 670 người; (4) Ngành nghề khác: 350 người.

##### ***\* Giai đoạn 2031-2050***

Đến năm 2050 cần 2.500 cán bộ, nhân viên trong các cơ sở cơ sở điều dưỡng, nuôi dưỡng người có công với cách mạng. Trong đó, chia theo trình độ: (1) Sau Đại học: 100 người; (2) Đại học: 680 người; (3) Cao đẳng: 750 người; (4) Trung, sơ cấp: 790 người; (5) Nhân viên làm công việc thông thường, chưa qua đào tạo: 180 người. Chia theo ngành nghề đào tạo: (1) Y/dược: 680 người; (2) Xã hội: 700 người; (3) Kinh tế: 730 người; (4) Ngành nghề khác: 390 người.

## **V.5. Vốn đầu tư**

1. Tổng vốn đầu tư để thực hiện quy hoạch: 4.600 tỷ đồng. Trong đó:

- Vốn để xây dựng mới các trung tâm: 1.000 tỷ đồng, chiếm 21,74%
- Vốn nâng cấp các trung tâm hiện có: 3.600 tỷ đồng, chiếm 78,26%

2. Phân kỳ đầu tư:

a) Giai đoạn 2021-2025: 1.300 tỷ đồng. Trong đó:

- Vốn để xây dựng mới các trung tâm: 900 tỷ đồng
- Vốn nâng cấp các trung tâm hiện có: 400 tỷ đồng

b) Giai đoạn 2026-2030: 600 tỷ đồng. Trong đó:

- Vốn để xây dựng mới các trung tâm: 100 tỷ đồng
- Vốn nâng cấp các trung tâm hiện có: 500 tỷ đồng

c) Giai đoạn 2031-2050: vốn để nâng cấp các trung tâm: 2.700 tỷ đồng.

3. Phân nguồn đầu tư:

Tổng vốn đầu tư: 4.600 tỷ đồng. Trong đó:

- Vốn ngân sách Trung ương: 2.800 tỷ đồng, chiếm 60,87%
- Vốn ngân sách địa phương: 1.800 tỷ đồng, chiếm 39,13%

## **V.6. Nhiệm vụ của các cơ quan trong Bộ Lao Động - Thương binh và Xã hội**

**(1). Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung các văn bản nhằm hoàn thiện và quản lý tốt các Trung tâm nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng**

a) Nội dung: Nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ về đất đai, cơ sở vật chất, trang thiết bị và biên chế bộ máy cho mạng lưới các Trung tâm nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng.

b) Phân công thực hiện: Cục Người có công chủ trì, phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tài chính, và các địa phương.

c) Thời gian thực hiện: 2021-2030; 2031-2050.

**(2). Quy hoạch mạng lưới các Trung tâm nuôi dưỡng, điều dưỡng người**

### **có công với cách mạng đảm bảo:**

#### **a) Nội dung:**

- Rà soát, sắp xếp các Trung tâm điều dưỡng, tập trung nâng cao năng lực hoạt động cho các Trung tâm điều dưỡng khu vực.

- Khuyến khích hình thức kết hợp giữa Nhà nước, địa phương, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân cùng tham gia đầu tư, đặc biệt đầu tư cho các Trung tâm nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công kết hợp với nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng. Ở những nơi có điều kiện về cảnh quan đẹp, lợi thế của thiên nhiên như có nguồn nước khoáng nóng, khí hậu mát mẻ có thể làm dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng, dịch vụ điều trị một số bệnh như bệnh phổi, bệnh tâm thần...

b) Phân công thực hiện: Cục Người có công chủ trì, phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tài chính và các địa phương.

c) Thời gian thực hiện: 2021-2030; 2031-2050.

### **(3). Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, viên chức và điều dưỡng viên của các Trung tâm nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng đạt cơ cấu, định mức, tiêu chuẩn nhiệm vụ theo quy định**

#### **a) Nội dung:**

- Đào tạo, tập huấn.

- Hỗ trợ các Trung tâm xây dựng hoàn thiện định mức ...

b) Phân công thực hiện: Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn của Bộ Y tế và các địa phương.

c) Thời gian thực hiện: 2021-2030; 2031-2050.

### **(4). Đổi mới cơ chế và phương thức quản lý, vận hành các Trung tâm nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng**

#### **a) Nội dung:**

- Nghiên cứu, đánh giá hiện trạng từng loại mô hình Trung tâm nuôi dưỡng, điều dưỡng.

- Nghiên cứu, xây dựng lại chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các Trung tâm.

b) Phân công thực hiện: Cục Người có công chủ trì, phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Kế hoạch Tài chính, và các địa phương.

c) Thời gian thực hiện: 2021-2030; 2031-2050.

## **PHẦN VI**

### **GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH**

#### **1. Giải pháp về cơ chế, chính sách**

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách về công tác chăm sóc người có công với cách mạng, cho các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng.
- Phát triển hệ thống cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng đồng bộ, hiện đại phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, khả năng đầu tư của ngân sách nhà nước; đảm bảo người có công được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ chăm sóc toàn diện, hướng tới mục tiêu phát triển xã hội công bằng và hiệu quả.
- Xây dựng Đề án quy hoạch Trung tâm Điều dưỡng người có công của Bộ và các tỉnh/ thành phố có chất lượng cao và mở rộng tiếp nhận đối tượng điều dưỡng tự nguyện;
- Xây dựng chính sách trợ cấp dành cho người phục vụ đối tượng người có công và thân nhân không còn khả năng tự chăm sóc;
- Xây dựng Đề án mở rộng về diện tích một số cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng.

#### **2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực**

Nâng cao năng lực cho cán bộ thực hiện công tác chăm sóc người có công: xây dựng kế hoạch và chương trình đào tạo phát triển đội ngũ cán bộ/nhân viên; xây dựng cơ chế chính sách tiền lương, phụ cấp phù hợp và các chính sách khác đối với đội ngũ cán bộ, nhân viên tại các cơ sở điều dưỡng người có công; thực hiện tuyển dụng, bổ sung cán bộ/nhân viên công tác chăm sóc người có công tại các xã, phường, cán bộ làm công tác điều trị và phục hồi chức năng... tại cơ sở điều dưỡng hằng năm.

#### **3. Giải pháp về môi trường, khoa học và công nghệ**

- Hoàn thiện hệ thống xử lý chất thải rắn, nước thải sinh hoạt đúng tiêu chuẩn, bảo vệ môi trường của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với Cách mạng hiện nay.
- Khi xây dựng mới các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với Cách mạng phải có hệ thống xử lý chất thải rắn, nước thải sinh hoạt đúng tiêu chuẩn, bảo vệ môi trường.
- Khi xây dựng mới các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với

Cách mạng phải có báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Ứng dụng khoa học công nghệ thông tin trong công tác nuôi dưỡng, điều dưỡng, chăm sóc NCC ở các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với Cách mạng.

#### **4. Giải pháp về liên kết, hợp tác phát triển**

Liên kết chặt chẽ giữa các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với Cách mạng trong tỉnh, giữa các vùng và cả nước trong công tác nuôi dưỡng, điều dưỡng, chăm sóc người có công về: Đào tạo nguồn nhân lực; Về thống nhất kiến trúc, quy mô diện tích đất tự nhiên, quy mô diện tích xây dựng theo quy mô người có công ăn được chăm sóc; Chia sẻ kinh nghiệm trong công tác nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với Cách mạng.

#### **5. Giải pháp về giáo dục, tuyên truyền**

Đẩy mạnh xã hội hóa các phong trào đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc người có công; tăng cường công tác tuyên truyền, vận động và phát động các phong trào đền ơn đáp nghĩa; tăng cường trách nhiệm của các ban ngành, đoàn thể, các tổ chức và cá nhân trong việc thực hiện các nhiệm vụ chăm sóc người có công; nâng cao nhận thức của các đối tượng thụ hưởng chính sách, tạo sự đồng thuận và trách nhiệm tham gia chia sẻ của bản thân đối tượng; đẩy mạnh hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài nhằm thu hút nguồn lực đầu tư cho công tác chăm sóc người có công và thân nhân.

#### **6. Giải pháp về hợp tác quốc tế**

- Tăng cường công tác nghiên cứu, tham quan, học tập, chia sẻ kinh nghiệm, mở rộng hợp tác quốc tế; sử dụng hiệu quả các nguồn tài trợ, viện trợ.

- Đẩy mạnh tuyên truyền sâu rộng về yêu cầu hội nhập quốc tế, về các cơ hội và thách thức, về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ trọng yếu của hội nhập quốc tế trong xây dựng mạng lưới quy hoạch hệ thống cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với Cách mạng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 để thống nhất nhận thức và hành động, tạo nên sức mạnh tổng hợp trong quá trình hội nhập quốc tế.

- Nhanh chóng hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách về hội nhập quốc tế trong xây dựng mạng lưới quy hoạch hệ thống cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với Cách mạng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, trên cơ sở phù hợp với Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước và chủ trương, đường lối đối ngoại của Đảng; điều chỉnh, bổ sung hoàn chỉnh các chính sách hội nhập quốc tế cho phù hợp với thực tiễn phát triển của đất nước và các cam kết quốc tế.

- Phát triển kết cấu hạ tầng hệ thống cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với Cách mạng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đồng bộ, hiện đại; phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; tạo cơ chế chính sách khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu khoa học, đổi mới công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực.v.v...

- Đẩy mạnh và làm sâu sắc hơn quan hệ với các đối tác, nhất là các đối tác có tầm ảnh hưởng chiến lược quan trọng đối với sự phát triển và an ninh của Việt Nam. Chủ động trong việc lựa chọn đối tác và xây dựng phương án đàm phán với từng đối tác trên cơ sở cùng có lợi.

- Đẩy mạnh nâng cao năng lực thực thi hội nhập quốc tế qua việc kiện toàn, củng cố và phát triển bộ máy, đội ngũ cán bộ làm công tác nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên trách, nguồn nhân lực chất lượng cao có bản lĩnh chính trị vững vàng, có tri thức, kỹ năng hội nhập, nắm vững nghiệp vụ, giỏi ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của công tác hội nhập trong giai đoạn mới.

## **7. Giải pháp về huy động và phân bổ vốn đầu tư**

- Đẩy mạnh xã hội hoá, huy động tối đa các nguồn lực cho công tác nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng.

- Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các cấp chính quyền địa phương.

- Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước phải phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển trong Quy hoạch xây dựng mạng lưới hệ thống cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với Cách mạng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước và thu hút các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế khác.

- Bố trí vốn đầu tư tập trung, khắc phục tình trạng phân tán, dàn trải, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Chỉ bố trí vốn cho các dự án đã đủ thủ tục đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Ưu tiên bố trí vốn cho các công trình cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với Cách mạng ở vùng miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Ưu tiên bố trí vốn cho dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch; vốn đối ứng cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư.

## **8. Giải pháp về mô hình quản lý, phương thức hoạt động**

- Thực hiện các mô hình cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công theo hai loại mô hình: (1) Điều dưỡng luân phiên cho người có công; (2) Nuôi dưỡng thương bệnh binh, người có công.

- Phương thức hoạt động cho các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với Cách mạng: Hoạt động bằng ngân sách Nhà nước thực hiện công tác nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng

## **9. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch**

\* Về tổ chức thực hiện:

- Tuyên truyền, giáo dục truyền thống, nâng cao nhận thức, tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, nhân viên làm công tác chăm sóc người có công và thân nhân;

- Hoàn thiện và nâng cấp việc quản lý thông tin đối tượng người có công và thân nhân người có công bằng các chương trình phần mềm quản lý đối tượng;

- Chuẩn bị cơ sở hạ tầng và nguồn lực để thực hiện phương pháp chi trả trợ cấp qua hệ thống bưu điện và ngân hàng;

- Rà soát số người phục vụ đối tượng người có công và thân nhân không còn khả năng tự chăm sóc làm cơ sở thực hiện chính sách;

- Thường niên, lập kế hoạch bảo vệ, nâng cấp và xây mới các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với Cách mạng.

\* Tăng cường công tác thanh kiểm tra và giám sát thực hiện quy hoạch: Hằng năm, tổ chức thanh tra việc thực hiện chính sách người có công ít nhất 1 lần; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những vấn đề tiêu cực trong việc thực hiện chế độ chi trả trợ cấp, gian lận hồ sơ hưởng chính sách, đảm bảo thực hiện công bằng cho mọi đối tượng được hưởng chế độ theo quy định; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những vấn đề tiêu cực trong việc thực hiện quy hoạch.

## **PHẦN VII**

### **ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

#### **I. KẾT LUẬN**

Tính đến năm 2020 cả nước có 66 trung tâm nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng. Thực hiện điều dưỡng được 119.654 lượt người đi điều dưỡng tập trung và 383.039 lượt người điều dưỡng tại gia đình. Thực hiện nuôi dưỡng 857 thương binh nặng và 457 người có công với cách mạng khác.

Thời điểm 10 năm 2021-2030 là “Thời gian vàng” để Đảng, Nhà nước, nhân dân ta thực thi đền ơn đáp nghĩa đối với người và gia đình có công với cách mạng. 10 năm sau nữa số lượng họ giảm đi rất nhiều, khi tuổi đời có hạn, thương tật, bệnh tật làm cho sức khỏe nhanh giảm sút...

Định hướng giai đoạn 2021-2025: Quy hoạch hệ thống 71 cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công trên cả nước với quy mô 7.030 giường điều dưỡng và khoảng 2.000 người làm việc trong các cơ sở để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng đạt tối đa 70% tổng số người có công được hưởng chế độ nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật và điều dưỡng tập trung cho khoảng 160.000 lượt người /năm. Trong đó: Phát triển mới 08 cơ sở với quy mô 660 giường điều dưỡng được phân bổ chủ yếu cho vùng Đồng bằng Sông Cửu Long (6 cơ sở); Xây dựng, cải tạo, nâng cấp 04 cơ sở hiện có với quy mô 290 giường bảo đảm không gian thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng người có công, trong đó bổ sung thêm 30 giường điều dưỡng. Phân đầu tối đa 10 cơ sở hoạt động theo mô hình đa chức năng và tự đảm bảo một phần chi thường xuyên.

Giai đoạn 2026-2030: Quy hoạch hệ thống 72 cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công trên cả nước với quy mô 7.350 giường và khoảng 2.000 người làm việc trong các cơ sở để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng đạt tối đa 100% tổng số người có công theo quy định của pháp luật và điều dưỡng tập trung cho khoảng 200.000 lượt người có công với cách mạng. Trong đó: Phát triển mới 01 cơ sở với quy mô 80 giường cho vùng Đồng bằng Sông Cửu Long; Xây dựng, cải tạo, nâng cấp 03 cơ sở để tăng quy mô thêm 240 giường cho vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Miền Trung. Phân đầu tối đa 15 cơ sở hoạt động theo mô hình đa chức năng và tự đảm bảo một phần chi thường xuyên.

Giai đoạn 2031-2050: Quy hoạch giữ nguyên 72 cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công trên địa bàn cả nước; thực hiện xây dựng, cải tạo, nâng cấp phù hợp với thực trạng các cơ sở và theo quy định của pháp luật. Phân đầu tối đa 20 cơ sở hoạt động theo mô hình đa chức năng và tự đảm bảo một phần chi

thường xuyên.

## **II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

### **1. Phân công trách nhiệm**

(1) Cục Người có công: Chủ trì phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tài chính, UBND các tỉnh, thành phố, các Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các địa phương thực hiện quy hoạch.

(2) Vụ Kế hoạch - Tài chính: Phối hợp với Cục Người có công cân đối phân bổ nguồn vốn kịp thời để các địa phương thực hiện các hạng mục đã được ghi trong quy hoạch.

(3) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Căn cứ vào kế hoạch phân bổ vốn hàng năm chỉ đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các Sở ngành, các quận/huyện/thị xã/thành phố thực hiện quy hoạch.

### **2. Đề xuất**

#### ***- Hoàn thiện cơ chế, chính sách***

Xây dựng Đề án áp dụng mức chuẩn trợ cấp hàng tháng cho người có công và thân nhân dựa trên mức sống trung bình của cả nước;

Xây dựng Kế hoạch đổi mới phương pháp chi trả trợ cấp hàng tháng cho đối tượng thông qua hệ thống ngân hàng và bưu điện;

Xây dựng Đề án xây dựng trung tâm điều dưỡng người có công có chất lượng cao và mở rộng tiếp nhận đối tượng điều dưỡng tự nguyện;

Xây dựng chính sách trợ cấp dành cho người phục vụ người có công và thân nhân không còn khả năng tự chăm sóc;

#### ***- Đề xuất về tổ chức thực hiện***

Tuyên truyền, giáo dục truyền thống, nâng cao nhận thức, tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, nhân viên làm công tác chăm sóc cho người có công NCC và thân nhân;

Hoàn thiện và nâng cấp việc quản lý thông tin người có công và thân nhân người có công bằng các chương trình phần mềm quản lý đối tượng;

Chuẩn bị cơ sở hạ tầng và nguồn lực để thực hiện phương pháp chi trả trợ cấp qua hệ thống bưu điện và ngân hàng;

Rà soát số người phục vụ đối tượng cho người có công và thân nhân không còn khả năng tự chăm sóc trên địa bàn toàn tỉnh làm cơ sở thực hiện chính sách;

***- Đề xuất nâng cao năng lực cho cán bộ thực hiện công tác chăm sóc người có công***

Xây dựng kế hoạch và chương trình đào tạo phát triển đội ngũ cán bộ/nhân viên;

Xây dựng cơ chế chính sách tiền lương, phụ cấp phù hợp và các chính sách khác đối với đội ngũ cán bộ, nhân viên tại các cơ sở điều dưỡng cho người có công;

Thực hiện tuyển dụng, bổ sung cán bộ/nhân viên công tác chăm sóc cho người có công/NCC tại các xã, phường, cán bộ làm công tác điều trị và phục hồi chức năng... tại cơ sở điều dưỡng hàng năm.

***- Đề xuất đẩy mạnh xã hội hóa và truyền thông***

Đẩy mạnh xã hội hóa các phong trào đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc cho người có công; tăng cường công tác tuyên truyền, vận động và phát động các phong trào đền ơn đáp nghĩa; tăng cường trách nhiệm của các ban ngành, đoàn thể, các tổ chức và cá nhân trong việc thực hiện các nhiệm vụ chăm sóc cho người có công; nâng cao nhận thức của các đối tượng thụ hưởng chính sách, tạo sự đồng thuận và trách nhiệm tham gia chia sẻ của bản thân đối tượng; đẩy mạnh hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài nhằm thu hút nguồn lực đầu tư cho công tác chăm sóc cho người có công và thân nhân.

***- Đề xuất tăng cường công tác thanh kiểm tra***

Hàng năm, tổ chức thanh tra việc thực hiện chính sách cho người có công ít nhất 1 lần trên địa bàn các tỉnh/thành phố;

Kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những vấn đề tiêu cực trong việc thực hiện chế độ chi trả trợ cấp, gian lận hồ sơ hưởng chính sách, đảm bảo thực hiện công bằng cho mọi đối tượng được hưởng chế độ theo quy định.

### **3. Kiến nghị**

#### ***3.1. Kiến nghị đối với Trung ương***

***Về chính sách ưu đãi người có công với cách mạng:***

Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở đối với người có công;

Đầu tư xây dựng Trung tâm điều dưỡng cho người có công ở các tỉnh/thành phố chất lượng cao, vừa phục vụ công tác điều dưỡng người có công, vừa nhận dịch vụ người có nhu cầu;

Đẩy mạnh xã hội hóa huy động nguồn lực thực hiện chính sách cho người

có công; khuyến khích sự tham gia của khu vực tư nhân vào cung cấp các dịch vụ phục vụ công tác nuôi dưỡng, điều dưỡng cho người có công và thân nhân;

Tăng cường hợp tác quốc tế, tranh thủ nguồn lực, kinh nghiệm trong xây dựng và thực hiện chính sách đối với cho người có công;

Đảm bảo đầy đủ và kịp thời các nguồn kinh phí để thực hiện các chương trình, chính sách, đề án nhằm phát triển hệ thống cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng;

Kiến nghị Chính phủ sớm ban hành các cơ chế, chính sách về xã hội hóa công tác nuôi dưỡng, điều dưỡng cho người có công với cách mạng.

Đề nghị Nhà nước bố trí vốn đầu tư cho các công trình trung tâm nuôi dưỡng, điều dưỡng thương binh và người có công giai đoạn 2021-2025; 2026-2030 và 2031-2050.

### ***3.2. Kiến nghị đối với Bộ Lao động – Thương binh & Xã hội***

Chủ trì, phối hợp với các Bộ, Ngành liên quan hoàn thiện và bổ sung chính sách quy định về lĩnh vực nuôi dưỡng, điều dưỡng cho người có công với cách mạng theo chủ trương của Đảng và Nhà nước và phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế-xã hội trong từng giai đoạn;

Sớm đầu tư xây dựng các trung tâm điều dưỡng cho người có công với cách mạng tại các tỉnh/thành phố trên địa bàn cả nước.

Tăng quy mô điều dưỡng các Trung tâm tại các địa phương có đông đối tượng; có điều kiện tham quan, du lịch và điều kiện khí hậu thuận lợi cho công tác điều dưỡng. Đẩy nhanh tiến độ đầu tư các trung tâm thuộc khu vực miền Nam và Tây Nguyên để các Trung tâm được phân bố đồng đều trong cả nước.

Ưu tiên đẩy nhanh tiến độ đầu tư các trung tâm thuộc Bộ, có phạm vi phục vụ cho đối tượng của nhiều tỉnh.

Tập trung đầu tư những trung tâm đã được khởi công để hoàn thành đưa vào sử dụng.

Đưa ra khỏi quy hoạch các trung tâm dự kiến xây dựng tại các tỉnh ít đối tượng và không có điều kiện thuận lợi cho công tác điều dưỡng.

Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ điều dưỡng viên và nhân viên của các trung tâm để nâng cao chất lượng phục vụ, xây dựng các vị trí việc làm phù hợp với nhiệm vụ được giao./.